SAO Y; ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN; 03/01/2024 17:06:54

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1727/QĐ-TTg	*Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Lâm Đồng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 06 tháng 10 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về việc tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ về triển khai thi hành Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị quyết số 119/NQ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2021 của Chính phủ về các nhiệm vụ và giải pháp để nâng cao chất lượng và đẩy nhanh tiến độ lập các quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030;

Căn cứ Quyết định số 946/QĐ-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Lâm Đồng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Báo cáo thẩm định số 4204/BC-HĐTĐ ngày 05 tháng 6 năm 2023 của Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 về thẩm định Quy hoạch tỉnh Lâm Đồng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Văn bản số 8651/BKHĐT-QLQH ngày 18 tháng 10 năm 2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc rà soát hồ sơ Quy hoạch tỉnh Lâm Đồng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng tại Tờ trình số 10801/TTr-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2023 về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Lâm Đồng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Công văn số 11461/UBND-KH$_1$ ngày 26 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc tiếp thu và hoàn thiện hồ sơ trình phê duyệt Quy hoạch tỉnh Lâm Đồng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Lâm Đồng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quy hoạch tỉnh) với những nội dung sau:

I. PHẠM VI, RANH GIỚI QUY HOẠCH

Phạm vi lập quy hoạch bao gồm toàn bộ diện tích tự nhiên tỉnh Lâm Đồng, quy mô 9.781,2 km^2 gồm các đơn vị hành chính: Thành phố Đà Lạt, thành phố Bảo Lộc và các huyện: Lạc Dương, Đức Trọng, Di Linh, Đơn Dương, Lâm Hà, Đam Rông, Bảo Lâm, Đạ Tẻh, Đạ Huoai, Cát Tiên:

- Phía Bắc giáp tỉnh Đắk Nông và Đắk Lắk.

- Phía Đông giáp tỉnh Khánh Hòa và Ninh Thuận.

- Phía Nam giáp tỉnh Lâm Đồng và Đồng Nai.

- Phía Tây giáp tỉnh Bình Phước.

Vị trí địa lý của tỉnh có tọa độ địa lý từ 11º12' đến 12º15' vĩ độ Bắc và 107º45' kinh độ Đông, thuộc vùng Tây Nguyên.

II. QUAN ĐIỂM, TẦM NHÌN, MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN; CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM, ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN

1. Quan điểm phát triển

a) Phù hợp với định hướng, tầm nhìn phát triển đất nước, tinh thần Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 06 tháng 10 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước; Quy hoạch tổng thể quốc gia; Quy hoạch ngành quốc gia; Quy hoạch vùng Tây Nguyên; Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ XI nhiệm kỳ 2020 - 2025 và các quy hoạch liên quan.

b) Phát huy tiềm năng, lợi thế tự nhiên và vai trò vị trí của tỉnh trong vùng Tây Nguyên để phát triển nhanh, bền vững; phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn. Chuyển từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao và chuyển đổi số trong sản xuất nông nghiệp. Chú trọng bảo vệ, khôi phục, phát triển rừng, phát triển kinh tế lâm nghiệp, nâng cao đời sống, sinh kế của người dân gắn với rừng. Phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, gắn với bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa các dân tộc, tài nguyên thiên nhiên và liên kết vùng. Ưu tiên phát triển năng lượng tái tạo, công nghiệp chế biến nông sản; phát triển công nghiệp khai thác, chế biến bauxit, alumin, nhôm và các sản phẩm từ nhôm.

c) Từng bước sắp xếp và tổ chức hợp lý không gian lãnh thổ, đẩy mạnh liên kết với vùng Đông Nam Bộ, vùng Tây nguyên, khu vực Duyên hải miền Trung, các trung tâm kinh tế lớn của cả nước và liên kết giữa các địa phương trong tỉnh. Lấy phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, hạ tầng số làm động lực, tạo dư địa cho phát triển tỉnh. Quản lý và phát triển bền vững hệ thống đô thị, nông thôn.

d) Quản lý; khai thác, sử dụng và phát huy có hiệu quả các nguồn lực của nền kinh tế, đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, xây dựng nền kinh tế số, xã hội số và chuyển đổi số để phát triển nhanh và bền vững; nắm bắt kịp thời và tận dụng hiệu quả các cơ hội của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

đ) Phát triển hài hòa giữa kinh tế với văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường; tăng cường quản lý tài nguyên, môi trường, chủ động ứng phó biến đổi khí hậu; chú trọng bảo vệ, khôi phục, phát triển rừng, nâng cao đời sống, sinh kế của người dân gắn với rừng; bảo đảm an ninh nguồn nước được bảo đảm. Quốc phòng, an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm, duy trì ổn định; người dân có cuộc sống ấm no, hạnh phúc.

2. Mục tiêu phát triển đến năm 2030

a) Mục tiêu tổng quát:

- Lâm Đồng trở thành tỉnh phát triển khá toàn diện của cả nước; xây dựng thành phố Đà Lạt và vùng phụ cận thành trung tâm du lịch chất lượng cao của cả nước và khu vực Đông Nam Á, là trung tâm giáo dục, đổi mới sáng tạo.

- Đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, lấy phát triển nông, lâm nghiệp là trọng tâm, trụ đỡ; phát triển công nghiệp chế biến là động lực; phát triển du lịch là đột phá. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế vùng theo hướng kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao hiệu quả dựa trên công nghệ cao, chuyển đổi số và giá trị gia tăng cao.

- Phát triển kinh tế nông nghiệp bền vững, hiện đại, hiệu quả cao, hữu cơ, hướng đến hình thành các vùng chuyên canh quy mô lớn; trở thành trung tâm nghiên cứu, sản xuất nông nghiệp hữu cơ công nghệ cao tầm quốc gia và quốc tế.

- Phát triển các ngành dịch vụ, du lịch, logistics dựa trên nền tảng số, chất lượng cao và đa dạng hoá các loại hình dịch vụ.

- Ưu tiên phát triển bền vững công nghiệp khai thác, chế biến bauxit, alumin, công nghiệp chế biến nhôm và các sản phẩm từ nhôm; phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm sản.

- Đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, kết nối giữa các vùng, giữa thành thị và nông thôn; phát triển không gian đô thị hiệu quả, bền vững, hình thành các vùng kinh tế động lực, các trung tâm kinh tế, phát triển đô thị mới gắn với động lực, tiềm năng, thế mạnh từng vùng với tầm nhìn dài hạn, toàn diện, có tính chiến lược, tôn trọng quy luật thị trường và nguyên tắc phát triển bền vững; bảo đảm tính tầng bậc, liên tục, thống nhất, đầy đủ, tích hợp của hệ thống quy hoạch.

- Phát triển mạnh giáo dục, y tế và khoa học công nghệ, hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, theo hướng hiện đại; nâng cao vai trò văn hóa, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa đặc sắc của cộng đồng các dân tộc; đảm bảo an sinh, phúc lợi xã hội.

b) Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể

- Về kinh tế:

+ Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân giai đoạn 2021 - 2030 đạt 8,5% - 9%/năm.

+ Cơ cấu kinh tế: khu vực nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm tỷ lệ 29,5%, khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm tỷ lệ 27,3%, khu vực dịch vụ chiếm tỷ lệ 43,2%.

+ GRDP bình quân đầu người đạt 170 triệu đồng/người.

+ Tổng nguồn vốn đầu tư phát triển toàn xã hội hàng năm chiếm khoảng 35% - 36% GRDP.

+ Tỷ lệ đô thị hoá đến năm 2030 đạt 59,3%.

+ Hoàn thành Chương trình xây dựng nông thôn mới vào năm 2025 (đạt 100% số xã).

+ Kinh tế khu vực đô thị đóng góp vào GRDP khoảng 85% vào năm 2030.

- Về xã hội:

+ Tỷ lệ trường công lập đạt chuẩn quốc gia đạt 100%.

+ Đạt 32 giường bệnh/10.000 dân và 11 bác sỹ/10.000 dân.

+ Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều duy trì mức giảm ít nhất từ 1,0% - 1,5%; trong đó, hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số giảm từ 2,0% - 3,0%.

+ Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 32,1%, số lao động được tạo việc làm mới hằng năm 10.000 - 12.000 người/năm; tỷ lệ lao động thất nghiệp dưới 1,2%.

- Về tài nguyên và môi trường:

+ Tỷ lệ che phủ rừng đạt khoảng 55%.

+ Tỷ lệ sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh của dân cư đô thị đạt 100%. Tỷ lệ sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh của dân cư ở nông thôn đạt 98% (Nước sạch đến năm 2030 đạt 65%, nước hợp vệ sinh đạt 98%).

- Về đô thị và phát triển kết cấu hạ tầng:

+ Tỷ lệ đô thị hóa toàn tỉnh đạt khoảng 59,3%.

+ Tỷ lệ chất thải Khu công nghiệp được thu gom, xử lý đạt chuẩn đạt 100%; tỷ lệ chất thải rắn đô thị thu gom; xử lý đạt tiêu chuẩn đạt 100%.

+ Tỷ lệ nước thải từ các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, các bệnh viện được xử lý đạt tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường đạt 100%.

+ Xây dựng hệ thống giao thông đồng bộ, hình thành mạng lưới giao thông thông suốt, an toàn; hạ tầng thủy lợi, đê điều, hồ đập, cấp nước bảo đảm nguồn nước phục vụ sản xuất và sinh hoạt, chủ động tiêu, thoát nước; hạ tầng cấp điện đảm bảo nhu cầu cho sản xuất và sinh hoạt; hệ thống thông tin liên lạc, internet và thiết bị đầu cuối hiện đại; hạ tầng các đô thị, hạ tầng nông thôn và hạ tầng

xã hội đồng bộ, hướng đến hiện đại, đạt tiêu chí theo phân loại đô thị và tiêu chí xây dựng nông thôn mới, bảo đảm tiện ích phục vụ đời sống nhân dân và đáp ứng nhu cầu phát triển.

- Về quốc phòng, an ninh: Xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc; lực lượng vũ trang vững mạnh toàn diện, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

3. Tầm nhìn đến năm 2050

Tỉnh Lâm Đồng đạt các tiêu chuẩn để trở thành thành phố trực thuộc trung ương hiện đại, có bản sắc, xanh, thông minh và đáng sống.

4. Các nhiệm vụ trọng tâm, đột phá phát triển

a) Nhiệm vụ trọng tâm:

- Tăng cường liên kết vùng, đẩy mạnh phát triển kết cấu hạ tầng diện rộng. Sắp xếp, tái cấu trúc không gian lãnh thổ của tỉnh Lâm Đồng, hướng tới trở thành thành phố trực thuộc trung ương. Xây dựng tỉnh Lâm Đồng trở thành điểm đáng đến, đáng sống, khẳng định vị thế và vai trò của tỉnh Lâm Đồng đối với vùng Tây Nguyên và cả nước.

- Phát triển kinh tế nhanh và bền vững, trên cơ sở đổi mới mô hình tăng trưởng; chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại, tăng năng suất, đổi mới, sáng tạo hướng tới tăng tỷ trọng ngành công nghiệp, dịch vụ, cơ cấu lại ngành nông nghiệp, chuyển từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp.

- Phát triển văn hóa - xã hội và nguồn nhân lực; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần nhân dân. Thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ cao trong các hoạt động kinh tế - xã hội và xây dựng chính quyền số; nâng cao hiệu quả quản trị công và cải cách thủ tục hành chính.

- Khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, quản lý và bảo vệ rừng, sử dụng hiệu quả quỹ đất. Xử lý ô nhiễm môi trường, bảo vệ các giá trị cốt lõi về thiên nhiên và lịch sử văn hóa, lập lại trật tự trong quản lý đô thị và nông thôn.

b) Đột phá phát triển

- Đầu tư xây dựng phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại gắn với xây dựng, phát triển đô thị bền vững; hình thành các tổ hợp về du lịch, dịch vụ và công nghiệp, khai thác và sử dụng hiệu quả quỹ đất và các nguồn lực xã hội; tập trung hoàn thiện các tuyến giao thông kết nối, tăng cường liên kết với các tỉnh thuộc vùng Đông Nam Bộ, Tây Nguyên, Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung.

- Tổ chức sắp xếp lại hợp lý không gian kinh tế - xã hội; phân vùng chức năng; quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững hệ thống đô thị gắn với xây dựng nông thôn mới theo hướng nâng cao và kiểu mẫu.

- Bảo tồn, phát huy giá trị các di sản lịch sử - văn hóa, thiên nhiên; bảo vệ môi trường; bảo vệ các quỹ đất rừng và nguồn nước, đặc biệt là các khu vực đầu nguồn của lưu vực sông; chủ động phòng, chống thiên tai và ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu.

- Cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh và thu hút đầu tư các dự án sản xuất, kinh doanh lớn từ các thành phần kinh tế để tạo ra bước ngoặt chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại. Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực phù hợp với quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế; đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế số, chuyển đổi số và kinh tế đô thị.

III. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN NGÀNH QUAN TRỌNG; PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ - XÃ HỘI:

1. Phương hướng phát triển các ngành quan trọng

a) Ngành nông, lâm, thủy sản:

- Phát triển nông nghiệp tỉnh Lâm Đồng toàn diện và hiện đại, trở thành Trung tâm nghiên cứu, sản xuất công nghệ cao tầm Quốc gia và Quốc tế; là vùng sản xuất nông nghiệp hữu cơ, sản xuất hàng hóa có giá trị cao trên thị trường Đông Nam Á. Nâng cao giá trị và sức cạnh tranh của nông sản, tăng tỷ lệ xuất khẩu cho các sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP, sản phẩm đặc hữu. Hình thành nhiều chuỗi giá trị nông sản gắn với sàn giao dịch điện tử thương mại quốc gia, quốc tế; nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống cho người nông dân gắn với xây dựng nông thôn mới. Hình thành các vùng sản xuất ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp thông minh.

- Trồng trọt: Phát triển sản xuất quy mô lớn, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sinh học, công nghệ số, nâng cao chất lượng sản phẩm thu hoạch đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế. Ưu tiên các sản phẩm chủ lực có giá trị kinh tế cao gắn với công nghiệp chế biến và phát triển các chuỗi giá trị; hướng đến xuất khẩu các mặt hàng chủ lực như: rau, hoa, tơ tằm, cà phê, chè, cây ăn quả, giống cây trồng nuôi cấy mô. Phát triển các sản phẩm đặc trưng có lợi thế cạnh tranh như các loại dược liệu, hồng, dâu tây, hoa. Tổ chức quản lý, kiểm soát chặt chẽ, giảm dần diện tích nhà kính, đẩy mạnh triển khai các mô hình sản xuất kiểu mẫu theo hướng sinh thái, tuần hoàn.

- Chăn nuôi: Phát triển chăn nuôi theo quy mô công nghiệp, khép kín, ứng dụng công nghệ cao, chủ động phòng chống dịch bệnh; xác định bò sữa, bò thịt cao sản, lợn, gia cầm, tằm tiếp tục là các đối tượng vật nuôi chính, chuyển dịch cơ cấu đàn vật nuôi theo hướng tăng tỷ trọng trang trại chăn nuôi quy mô lớn theo hướng an toàn sinh học, hữu cơ; thực hiện di dời, hoặc ngừng hoạt động, hoặc chuyển đổi ngành nghề đối với các cơ sở chăn nuôi trong khu vực không được phép chăn nuôi.

- Lâm nghiệp: Phát triển kinh tế lâm nghiệp bền vững; bảo vệ, khôi phục và phát triển bền vững hệ sinh thái rừng, bảo tồn đa dạng sinh học, bảo đảm an ninh nguồn nước; tăng nguồn thu từ dịch vụ môi trường rừng, tạo việc làm, nâng cao thu nhập và cải thiện sinh kế cho người dân.

- Thủy sản: Tận dụng, khai thác hiệu quả, bền vững các diện tích mặt nước hồ chứa thủy lợi, thủy điện, mặt nước khác để duy trì các đối tượng thủy sản truyền thống và mở rộng đối tượng thủy sản nước lạnh.

b) Ngành dịch vụ:

- Ngành thương mại:

+ Phát triển thương mại trên cơ sở tăng cường liên kết kinh tế chặt chẽ với vùng Đông Nam Bộ, Thành phố Hồ Chí Minh, duyên hải Nam Trung Bộ, vùng Tây Nguyên và các vùng kinh tế trọng điểm. Lâm Đồng là trung tâm phân phối hàng nông sản và các mặt hàng có thế mạnh khác cho các tỉnh, thành phố trong cả nước.

+ Đa dạng hóa các hình thức xúc tiến thương mại, bảo đảm hiệu quả, phù hợp với từng thị trường, từng ngành hàng, mở rộng thị trường, phát triển thương hiệu, chỉ dẫn địa lý và nhãn hiệu "Đà Lạt - kết tinh kỳ diệu từ đất lành", hình thành Trung tâm giao dịch hoa tại thành phố Đà Lạt. Phát triển, nâng cao chất lượng, giá trị và năng lực cạnh tranh các mặt hàng xuất khẩu chủ lực của tỉnh (alumin, tơ xe, lụa tơ tằm, sản phẩm may, áo len, cà phê, chè, hạt điều, rau quả, hoa tươi các loại) hướng đến các thị trường tiềm năng Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Úc, Mỹ, Châu Âu và các nước Trung Đông.

+ Đa dạng phương thức và hình thức tổ chức kinh doanh thương mại; thu hút đầu tư các loại hình hạ tầng thương mại có tính lan tỏa, hỗ trợ sản xuất. Ưu tiên thu hút đầu tư vào công nghiệp chế biến nông sản. Phát triển các trung tâm thương mại - dịch vụ cấp vùng, gắn kết với không gian trung tâm các đô thị, thành phố Đà Lạt, thành phố Bảo Lộc và Cảng hàng không Liên Khương. Ưu tiên xây dựng 02 trung tâm Logistics tại thành phố Bảo Lộc và huyện Đức Trọng. Cải tạo và nâng cấp chợ truyền thống.

+ Phát triển mạnh thương mại điện tử, thanh toán số theo hướng phổ cập tài chính toàn diện, thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt.

- Ngành du lịch:

+ Phấn đấu đến năm 2030, Lâm Đồng trở thành "Thiên đường xanh" với sức hút của các trung tâm du lịch nghỉ dưỡng - sinh thái - chăm sóc sức khỏe - thể thao cao cấp hàng đầu Việt Nam và Đông Nam Á. Phát triển toàn diện cả về phạm vi, quy mô, chất lượng nhân lực và dịch vụ, đa dạng hóa chuỗi sản

phẩm du lịch, kết cấu hạ tầng du lịch hiện đại, đồng bộ ở tầm quốc tế; trở thành ngành kinh tế mũi nhọn theo hướng chất lượng cao và bền vững, tạo động lực cho sự phát triển của các ngành liên quan dựa trên nền tảng của kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế số và công nghiệp sáng tạo.

+ Phát triển hệ thống khu, điểm du lịch theo các cụm không gian du lịch, hành lang kinh tế trong đó: (i) Thành phố Đà Lạt và vùng phụ cận trở thành đô thị du lịch chất lượng cao, phát triển kinh tế ban đêm, hiện đại, đẳng cấp quốc tế. (ii) Thành phố Bảo Lộc và vùng phụ cận trở thành vệ tinh, trung tâm du lịch cấp vùng. Nghiên cứu, phát triển các trung tâm du lịch: Sinh thái - nghỉ dưỡng - chữa bệnh - chăm sóc sức khỏe thể thao hàng đầu Việt Nam tại thành phố Bảo Lộc và các huyện có tiềm năng du lịch, khẳng định thương hiệu và năng lực cạnh tranh của Lâm Đồng ở trong nước và quốc tế.

+ Tập trung đầu tư 06 nhóm sản phẩm du lịch chính: Du lịch nghỉ dưỡng - chữa bệnh - chăm sóc sức khỏe - thể thao cao cấp (gôn, đua ngựa, đua chó…); du lịch sinh thái - mạo hiểm; du lịch nông nghiệp, nông thôn; du lịch văn hoá tâm linh; du lịch đô thị; du lịch sáng tạo.

c) Ngành công nghiệp - xây dựng:

- Ngành công nghiệp:

+ Phát triển công nghiệp có lợi thế cạnh tranh với trọng tâm là ngành chế biến, chế tạo, trở thành động lực quan trọng trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng ngành công nghiệp và dịch vụ; tạo ra giá trị gia tăng cao, đóng góp quan trọng vào tăng trưởng kinh tế của tỉnh. Hình thành cụm ngành, cụm sản xuất trong một số ngành công nghiệp ưu tiên (chế biến khoáng sản, chế biến thực phẩm,…) tạo nền tảng và cơ sở phát triển mạnh chuỗi sản xuất, chuỗi giá trị và hệ thống phân phối hàng hoá. Phát triển công nghiệp gắn kết với nông nghiệp, du lịch và khai thác tài nguyên khoáng sản theo hướng chọn lọc, có giá trị gia tăng cao, thân thiện với môi trường.

+ Ưu tiên phát triển các dự án công nghiệp ứng dụng công nghệ cao, có vốn đầu tư lớn, nguồn thu nội địa cao, bảo đảm tiết kiệm nguồn lực trong phát triển công nghiệp.

+ Tập trung và ưu tiên phát triển công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản (bauxit, alumin, nhôm và các sản phẩm từ nhôm); đầu tư, nâng công suất, mở rộng dự án bô-xít hiện có, đầu tư mới các dự án khai thác bô-xít, sản xuất alumin, nhôm theo Quyết định số 866/QĐ-TTg ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Phát triển ngành chế biến dược liệu và thực phẩm chức năng; công nghiệp năng

lượng (thủy điện nhỏ và vừa, điện gió, điện mặt trời, thủy điện tích năng); vật liệu mới; các ngành công nghiệp hỗ trợ cho sản xuất và phục vụ nông nghiệp, nông thôn;… Phát triển một số ngành công nghiệp sử dụng hợp lý lao động mà tỉnh đang có lợi thế và điều kiện phát triển.

+ Thúc đẩy phát triển các sản phẩm chế biến nông sản, thực phẩm (rau, quả, chè, cà phê, đồ uống,…) gắn với vùng nguyên liệu, phù hợp với tiêu chuẩn và đáp ứng yêu cầu của thị trường. Tập trung thu hút các dự án chế biến nông sản thế mạnh của địa phương tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

+ Phát triển các sản phẩm chế biến lâm sản từ nguồn nguyên liệu rừng trồng; ứng dụng khoa học, công nghệ vào chế biến lâm sản để tạo ra các sản phẩm phục vụ thị trường trong nước và xuất khẩu; khuyến khích và tạo điều kiện phát triển các sản phẩm nội thất cao cấp từ gỗ, đồ mỹ nghệ,...

+ Đầu tư phát triển tiểu thủ công nghiệp và ngành nghề nông thôn gắn với du lịch, dịch vụ.

- Ngành xây dựng:

+ Phát triển, nâng cao năng lực ngành xây dựng đạt tiên tiến, tiếp cận công nghệ hiện đại, nâng cao năng lực khảo sát, thiết kế, xây dựng, công nghệ xây lắp; đẩy mạnh sản xuất phân phối lưu thông ngành vật liệu xây dựng phục vụ nhu cầu thị trường trong tỉnh.

+ Quy hoạch, xây dựng và phát triển hệ thống đô thị, nông thôn đáp ứng yêu cầu xây dựng, quản lý và phát triển bền vững; huy động các nguồn vốn đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng theo hướng đồng bộ, hiện đại, xanh, thân thiên với môi trường.

2. Phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực văn hóa - xã hội

a) Y tế và chăm sóc sức khỏe nhân dân:

- Xây dựng và phát triển mạng lưới cơ sở y tế đồng bộ, hiện đại từ tuyến tỉnh đến tuyến cơ sở; đáp ứng nhu cầu ngày càng cao và đa dạng của người dân trong công tác chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe; cân đối, hài hòa giữa lĩnh vực khám chữa bệnh với lĩnh vực y tế dự phòng, giữa y tế chuyên khoa, chuyên sâu với y tế phổ cập; giữa phòng bệnh với khám, chữa bệnh, phục hồi chức năng; giữa y học cổ truyền với y học hiện đại.

- Nâng tầm các cơ sở y tế tuyến trên, phát triển chuyên khoa sâu ở bệnh viện tuyến tỉnh phục vụ cấp vùng, khu vực. Tăng cường năng lực, chất lượng y tế tuyến cơ sở. Khuyến khích phát triển y tế ngoài công lập; đa dạng các sản phẩm, dịch vụ y tế. Phát triển Lâm Đồng thành vùng trồng cây dược liệu, chế biến dược phẩm, thực phẩm chức năng của quốc gia.

b) Giáo dục và đào tạo:

- Phát triển giáo dục tỉnh Lâm Đồng đạt trình độ tiên tiến trong khu vực. Xây dựng nền giáo dục mở, phương thức giáo dục phù hợp điều kiện thực tiễn địa phương; bảo đảm các điều kiện nâng cao chất lượng giáo dục theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, dân chủ hóa, xã hội hóa.

- Đổi mới căn bản, toàn diện về chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo; chú trọng giáo dục đạo đức, lối sống, năng lực sáng tạo, kỹ năng thực hành cho học sinh, có những phẩm chất và năng lực chủ yếu theo mục tiêu của chương trình giáo dục phổ thông; tạo nguồn nhân lực để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; quan tâm đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên.

- Thực hiện xã hội hoá giáo dục và đào tạo, đặc biệt là giáo dục mầm non và giáo dục chất lượng cao; quy hoạch quỹ đất để thu hút đầu tư phát triển trường học. Chú trọng phát triển giáo dục tại các vùng có điều kiện kinh tế còn khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

c) Khoa học và công nghệ:

- Triển khai nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học và công nghệ có tác động lan tỏa đến phát triển kinh tế - xã hội, trên cơ sở ứng dụng thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

- Xây dựng Kế hoạch phát triển thị trường khoa học và công nghệ. Nâng cao hiệu quả trong ứng dụng khoa học và công nghệ, năng lực hấp thụ, làm chủ và đổi mới công nghệ, sở hữu trí tuệ.

- Hỗ trợ các tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện cơ chế tự chủ. Triển khai hiệu quả chính sách đào tạo và thu hút cán bộ khoa học và công nghệ, các nhà khoa học có uy tín phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Phát triển các doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo để gia tăng nhanh về giá trị kinh tế và khoa học công nghệ.

d) Dạy nghề và an sinh xã hội:

Thực hiện có hiệu quả các chương trình an sinh xã hội. Phát triển các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, đào tạo nguồn nhân lực, tiếp tục thực hiện hiệu quả hoạt động giới thiệu việc làm. Phát triển các cơ sở trợ giúp xã hội, đủ năng lực, quy mô, đáp ứng nhu cầu tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ công về trợ giúp xã hội của các nhóm đối tượng thuộc diện bảo trợ xã hội; nâng chuẩn trợ cấp xã hội tương xứng với trình độ phát triển của tỉnh. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách và đẩy mạnh xã hội hóa nguồn lực để chăm lo cho người có công.

đ) Văn hóa và thể thao:

- Quan tâm phát triển các ngành công nghiệp văn hóa thể thao nhằm phục vụ nhu cầu hưởng thụ văn hóa tinh thần của người dân, đồng thời góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội trong giai đoạn hiện nay.

- Phát triển thể dục, thể thao nâng cao sức khỏe thể chất và tinh thần của nhân dân. Phát triển xã hội hóa thể thao, thể thao chuyên nghiệp và kinh tế dịch vụ thể thao. Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị và nhân lực phát triển thể thao trường học; phát triển phong trào thể dục thể thao quần chúng; đào tạo bồi dưỡng có chọn lọc thể thao thành tích cao. Khuyến khích xã hội hóa, phát triển thể dục, thể thao.

- Nâng cao chất lượng hoạt động của thiết chế văn hóa cấp tỉnh; tăng cường đầu tư hệ thống thiết chế văn hóa vùng sâu, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Đầu tư bảo tồn, phát huy các giá trị di tích, di sản văn hóa vật thể, phi vật thể tiêu biểu có ý nghĩa chính trị, văn hóa, lịch sử, truyền thống đặc sắc; từng bước khôi phục các giá trị văn hóa trong đời sống cộng đồng các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh. Khai thác hợp lý, có hiệu quả các di tích lịch sử văn hóa nhằm phục vụ phát triển du lịch.

e) Quốc phòng, an ninh

Phát triển kinh tế - xã hội kết hợp với xây dựng, củng cố thế trận quốc phòng, an ninh, xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc, bố trí không gian các khu vực có vị trí địa hình trọng yếu phục vụ cho nhiệm vụ quốc phòng. Nâng cao hiệu quả, khả năng sẵn sàng chiến đấu đáp ứng được nhu cầu bảo vệ đất nước. Chủ động nắm chắc tình hình, phát hiện từ sớm, từ xa các nguy cơ về an ninh, trật tự để xử lý kịp thời, không để bị động bất ngờ. Giữ vững an ninh chính trị, bảo đảm an ninh con người và an ninh mạng; đấu tranh, phòng, chống có hiệu quả tội phạm và vi phạm pháp luật; đảm bảo trật tự xã hội, an toàn giao thông, phòng chống cháy nổ.

3. Phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội

a) Các tiểu vùng động lực:

- Tiểu vùng I gắn với cao nguyên Lang Biang bao gồm: Đà Lạt (sáp nhập Lạc Dương) - Đức Trọng - Đơn Dương - Lâm Hà (thị trấn Nam Ban và các xã Mê Linh, Đông Thanh, Gia Lâm, Nam Hà). Đây là vùng trọng điểm, có vai trò là khu vực động lực phát triển của tỉnh, là trung tâm du lịch cao cấp quốc gia có ý nghĩa quốc tế. Trong đó: Thành phố Đà Lạt là hạt nhân của vùng, huyện Đức Trọng san sẻ chức năng trung tâm hành chính - chính trị của tỉnh với thành phố Đà Lạt.

- Tiểu vùng II gắn với cao nguyên Di Linh bao gồm: Di Linh - Đam Rông

- Lâm Hà (thị trấn Đinh Văn, xã Đạ Đờn, Phú Sơn, Phi Tô, Tân Văn, Tân Hà, Liên Hà, Đan Phượng, Hoài Đức, Phúc Thọ, Tân Thanh). Trong đó, thị trấn Di Linh là hạt nhân của vùng. Đây là vùng sản xuất cây công nghiệp, chăn nuôi, công nghiệp chế biến và dịch vụ du lịch; là vùng đệm sinh thái trung chuyển giữa tiểu vùng I và tiểu vùng II, trong đó đô thị Di Linh là trung tâm của vùng.

- Tiểu vùng III gắn với cao nguyên Bảo Lộc bao gồm: Bảo Lộc - Bảo Lâm - Đạ Huoai mới (Đạ Huoai - Đạ Tẻh - Cát Tiên hiện hữu). Trong đó, thành phố Bảo Lộc là hạt nhân của tiểu vùng. Đây là tiểu vùng kinh tế, động lực phía Tây Nam tỉnh, là đầu mối kết nối phát triển kinh tế - xã hội với các huyện trong tỉnh, khu vực Đông Nam Bộ, duyên hải miền Trung, Tây Nguyên và cả nước, là vùng trọng tâm của tỉnh về phát triển du lịch sinh thái cảnh quan rừng, du lịch hỗn hợp, du lịch nghỉ dưỡng chất lượng cao, du lịch văn hóa, vui chơi giải trí có cá cược; phát triển ngành công nghiệp chế biến bauxit - alumin, nhôm và các sản phẩm từ nhôm, công nghiệp năng lượng, vùng sản xuất cây ăn trái, cây công nghiệp chất lượng cao như: Điều, sầu riêng, cao su,...

b) Các hành lang kinh tế:

- Hành lang kinh tế Đông - Tây: Cao tốc Nha Trang (Khánh Hòa) - Liên Khương (Lâm Đồng) (CT.25), Cao tốc Dầu Giây (Đồng Nai) - Liên Khương (Lâm Đồng) (CT.27); quốc lộ 20 - quốc lộ 27C, kết nối Thành phố Hồ Chí Minh - Đồng Nai - Lâm Đồng - Khánh Hòa;

- Hành lang kinh tế Đông - Tây: Đường tỉnh 725.

- Hành lang kinh tế Bắc - Nam: Quốc lộ 28, kết nối Đắk Nông - Di Linh (Lâm Đồng) - Lâm Đồng.

- Hành lang kinh tế Bắc - Nam: Quốc lộ 27, kết nối Đắk Lắk - Lâm Đồng - Ninh Thuận và quốc lộ 28B kết nới Lâm Đồng - Lâm Đồng.

- Hành lang kinh tế Bắc - Nam: Quốc lộ 55, kết nối Đắk Nông - Bảo Lộc (Lâm Đồng) - Lâm Đồng và quốc lộ 55B, Bình Phước - Lâm Đồng - Lâm Đồng.

4. Định hướng sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã

Tiếp tục thực hiện các quy định tại Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24 tháng 12 năm 2018 về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cập huyện và cập xã, Kết luận số 48-KL/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2021 - 2030.

Phạm vi, ranh giới, tên địa lý và triển khai phương án sắp xếp cụ thể các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã sẽ được thực hiện theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)

IV. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH HỆ THỐNG ĐÔ THỊ VÀ TỔ CHỨC LÃNH THỔ KHU VỰC NÔNG THÔN

1. Phương án quy hoạch hệ thống đô thị

- Phát triển các đô thị gắn với động lực của từng vùng theo hướng xanh, thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu. Hình thành hệ thống đô thị có kết cấu hạ tầng đồng bộ và hiện đại, đảm bảo kết nối giữa các đô thị trong tỉnh với các đô thị trong vùng; gắn phát triển đô thị với xây dựng nông thôn mới.

- Phấn đấu đến năm 2030 hệ thống đô thị của tỉnh gồm 17 đô thị, trong đó: 01 đô thị loại I, 01 đô thị loại II, 03 đô thị loại III, 05 đô thị loại IV và 07 đô thị loại V. Khi có đủ điều kiện, tiêu chí theo quy định sẽ phát triển thêm 05 đô thị loại V.

- Phấn đấu đến năm 2045, Lâm Đồng trở thành thành phố trực thuộc trung ương gồm 3 quận, 3 thị xã, 3 huyện. Ngoài ra khu vực ngoại thành là một số thị trấn huyện lỵ và thị trấn thuộc huyện giữ vai trò là trung tâm huyện hoặc trung tâm các xã hoặc các cụm xã.

(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo)

2. Phương án tổ chức lãnh thổ khu vực nông thôn

- Định hướng tổ chức sản xuất lãnh thổ khu vực nông thôn chia làm 04 khu vực chính, bao gồm: Khu vực làng đô thị xanh, khu vực đô thị hóa dọc theo các tuyến giao thông chính, khu vực nông thôn gắn với sản xuất nông nghiệp và khu vực đồi - rừng. Chú trọng xây dựng mô hình làng đô thị xanh dựa trên quan điểm bảo tồn và phục hồi cảnh quan và hệ sinh thái tự nhiên, tái cấu trúc các làng đô thị hiện hữu trên cơ sở tạo ra các hành lang nông nghiệp kết nối các khu dân cư, đưa cảnh quan sản xuất, cảnh quan tự nhiên và các không gian cộng đồng đan xen vào các khu vực dân cư và công trình. Các công trình xây dựng thấp tầng, theo địa hình và hướng về các thung lũng nông nghiệp.

- Định hướng phân bố hệ thống các điểm dân cư nông thôn được tổ chức theo 03 vùng liên huyện. Mô hình hệ thống các điểm dân cư nông thôn gắn với mô hình xã, thôn, gắn với các vùng sản xuất tập trung kết hợp với du lịch. Xây dựng các điểm dân cư, khu dân cư nông thôn theo mô hình nông thôn mới kiểu mẫu, nông thôn mới nâng cao và làng đô thị xanh theo hướng bền vững, tăng trưởng xanh dựa trên mối quan hệ bảo tồn và phát triển; bảo tồn, kế thừa và phát huy giá trị văn hóa truyền thống.

- Phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới theo hướng nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh. Đầu tư phát triển tiểu thủ công nghiệp và ngành nghề nông thôn gắn với du lịch, dịch vụ.

V. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC KHU CHỨC NĂNG

1. Phương án phát triển khu công nghiệp

- Phát triển khu công nghiệp với quy mô hợp lý, tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng ngành công nghiệp và dịch vụ; góp phần lớn vào chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng nâng cao tỷ trọng ngành công nghiệp. Tiếp tục thu hút lấp đầy và nâng cao hiệu quả hoạt động của các khu công nghiệp, phát triển thêm một số khu công nghiệp tại nơi có điều kiện, đảm bảo sự phát triển bền vững, gắn với phát triển đô thị và hạ tầng xã hội; tạo mối liên kết phát triển giữa công nghiệp tỉnh Lâm Đồng với các địa phương trong vùng Tây Nguyên và Đông Nam Bộ.

- Đến năm 2030, toàn tỉnh có 03 khu công nghiệp với tổng diện tích khoảng 538 ha, trong đó đầu tư hoàn thiện hạ tầng khu công nghiệp Lộc Sơn, khu công nghiệp Phú Hội và hoàn thành thủ tục pháp lý, thu hút đầu tư xây dựng hạ tầng và phát triển sản xuất khu công nghiệp Phú Bình. Thành lập mới 03 khu công nghiệp (Đạ Tẻh, Tân Rai - Bảo Lâm, Lộc Châu - Đại Lào) khi được bổ sung chỉ tiêu đất khu công nghiệp và đáp ứng đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định về khu công nghiệp.

(Chi tiết tại Phụ lục III kèm theo)

2. Phương án phát triển cụm công nghiệp

- Hình thành hệ thống các cụm công nghiệp bảo đảm sự phát triển bền vững và góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế giữa các địa phương và trong tăng trưởng chung của ngành công nghiệp toàn tỉnh. Đẩy nhanh tiến độ đầu tư đồng bộ hạ tầng kỹ thuật và thu hút lấp đầy các cụm công nghiệp đã thành lập, nâng cao hiệu quả sử dụng đất công nghiệp. Hình thành một số cụm công nghiệp chuyên ngành, cụm công nghiệp hỗ trợ đáp ứng nhu cầu phát triển công nghiệp của tỉnh và khu vực.

- Giữ nguyên 08 cụm công nghiệp hiện hữu với tổng diện tích khoảng 263 ha và điều chỉnh tăng, giảm diện tích 02 cụm công nghiệp phù hợp với thực tế phát triển. Bổ sung 08 cụm công nghiệp với tổng diện tích khoảng 467 ha. Đến năm 2030, trên địa bàn tỉnh quy hoạch 18 cụm công nghiệp với tổng diện tích 792 ha.

(Chi tiết tại Phụ lục IV kèm theo)

3. Phương án phát triển các khu du lịch

- Định hướng phát triển hệ thống khu, điểm du lịch theo các cụm không gian du lịch, hành lang kinh tế: Thành phố Đà Lạt và vùng phụ cận trở thành trung tâm du lịch của quốc gia và quốc tế; thành phố Bảo Lộc và vùng phụ cận trở thành vệ tinh, trung tâm du lịch cấp vùng.

- Tiếp tục đầu tư hoàn chỉnh kết cấu hạ tầng và khai thác các khu du lịch

hiện có. Mở rộng khu du lịch quốc gia Hồ Tuyền Lâm, đầu tư đưa vào khai thác các khu du lịch trọng điểm: Khu du lịch quốc gia Đankia - Suối Vàng, Khu du lịch hồ Prenn, Khu du lịch núi Sa Pung và các khu vực có tiềm năng phát triển du lịch của tỉnh.

- Phát triển một số khu du lịch mới gắn liền với danh thắng thiên nhiên, các di tích lịch sử văn hóa, các hồ thuỷ lợi có tiềm năng phát triển du lịch. Tăng cường liên kết vùng, gắn các khu du lịch Lâm Đồng với vùng, quốc gia và quốc tế.

(Chi tiết tại Phụ lục V kèm theo)

4. Phương án phát triển các khu di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh

- Toàn tỉnh có 03 di sản thế giới được UNESCO công nhận: Không gian văn hóa Cồng chiêng Tây Nguyên; Mộc bản Triều Nguyễn; Khu dự trữ sinh quyển thế giới Lang Biang; 02 di tích quốc gia đặc biệt, 14 di tích thắng cảnh cấp quốc gia; 04 di tích kiến trúc, lịch sử cách mạng cấp quốc gia, 17 di tích cấp tỉnh.

- Ưu tiên bảo tồn, phát huy văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số, từng bước thu hẹp khoảng cách hưởng thụ văn hóa giữa các địa phương trên địa bàn. Tập trung bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử văn hóa tiêu biểu, phục vụ giáo dục truyền thống và phát triển kinh tế, gắn kết bảo tồn, phát huy di sản văn hóa với phát triển du lịch. Phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, khích lệ sáng tạo các giá trị văn hóa mới, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, làm giàu văn hóa dân tộc.

(Chi tiết tại Phụ lục VI kèm theo)

5. Phương án phát triển các khu văn hóa, thể thao

- Tiếp tục đầu tư, hoàn thành Khu liên hợp Văn hóa - thể thao thuộc dự án đầu tư Khu Văn hóa, Thể thao tỉnh Lâm Đồng tại phường 7, thành phố Đà Lạt.

- Quy hoạch xây dựng nhà thi đấu đa năng, khu thể thao dưới nước hiện đại, đạt tiêu chuẩn quốc tế; xây dựng các công viên thể dục thể thao cấp vùng. Xây dựng, hoàn thiện các Nhà thiếu nhi, Nhà văn hóa lao động cấp huyện.

- Đầu tư nâng cấp các trung tâm văn hóa, thông tin và thể thao của các huyện, thành phố đạt tiêu chuẩn, hiện đại.

6. Phương án phát triển các khu bảo tồn thiên nhiên

Toàn tỉnh có 09 khu bảo tồn thiên nhiên. Mục tiêu tổng quát đến năm 2030, các hệ sinh thái tự nhiên, đa dạng sinh học bảo tồn, phục hồi, sử dụng bền vững nhằm góp phần phát triển kinh tế - xã hội theo định hướng nền kinh tế xanh, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu. Bảo tồn hiệu quả các loài

động - thực vật hoang dã, đặc biệt là các loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, loài di cư; không có thêm loài hoang dã bị tuyệt chủng; tình trạng quần thể của ít nhất 10 loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ được cải thiện; các nguồn gen hoang dã và giống cây trồng, vật nuôi được lưu giữ và bảo tồn đạt mục tiêu thu thập, lưu giữ tối thiểu nguồn gen; hạn chế các tác động tiêu cực tới đa dạng sinh học.

7. Phương án phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung:

Phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung gắn với các sản phẩm lợi thế (Chủ lực, đặc sản) của tỉnh như: Rau, hoa, cà phê, chè, cây ăn trái (cà phê, sầu riêng, chuối, bơ…), dược liệu, bò thịt, bò sữa và gà đẻ trứng; phục vụ quá trình cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững và gắn kết chặt chẽ với quá trình xây dựng nông thôn mới..

8. Phương án phát triển khu quốc phòng, an ninh

- Xây dựng khu quân sự, khu an ninh bảo đảm thế trận quốc phòng trong khu vực phòng thủ tỉnh vững chắc, các khu vực sẵn sàng phục vụ cho nhiệm vụ quốc phòng; đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ an ninh, giữ gìn trật tự an toàn xã hội từng khu vực, địa phương trên địa bàn tỉnh.

- Các khu quân sự, an ninh đảm bảo tuân thủ chỉ tiêu sử dụng đất do Thủ tướng Chính phủ phân bổ. Việc bố trí xây dựng các công trình quốc phòng, an ninh trên địa bàn được thực hiện theo các quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Khu vực phòng cháy chữa cháy và cứu hộ cứu nạn: Bố trí các công trình hạ tầng phòng cháy chữa cháy tại trung tâm các huyện, thành phố, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp và địa bàn trọng điểm có nguy cơ về cháy nổ, đảm bảo thuận tiện về giao thông, nguồn nước, thông tin liên lạc và đáp ứng các quy định hiện hành.

VI. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG KỸ THUẬT

1. Phương án phát triển mạng lưới giao thông

a) Đường bộ:

Xây dựng hệ thống giao thông đồng bộ, liên hoàn, kết nối đồng bộ với hệ thống giao thông quốc gia, vùng và nội tỉnh, tạo thành một mạng lưới giao thông thông suốt, hiệu quả.

- Phương án phát triển hạ tầng giao thông quốc gia: Phát triển mạng lưới đường cao tốc, quốc lộ trên địa bàn tỉnh theo Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01 tháng 9 năm 2021, gồm:

+ 03 Cao tốc: Cao tốc Nha Trang - Liên Khương (CT.25), Cao tốc Liên

Khương - Buôn Ma Thuột (CT.26), Cao tốc Dầu Giây - Liên Khương (CT.27)

+ 08 quốc lộ: Quốc lộ 20, quốc lộ 27, quốc lộ 27C, quốc lộ 28, quốc lộ 28B, quốc lộ 55, quốc lộ 55B, đường Trường Sơn Đông.

- Phương án phát triển hạ tầng giao thông cấp tỉnh:

+ Quy hoạch 19 tuyến đường tỉnh, trong đó có 09 tuyến hiện hữu, điều chỉnh, 10 tuyến bổ sung mới. Đối với 09 tuyến đường tỉnh hiện hữu, điều chỉnh: Đầu tư nâng cấp, điều chỉnh hướng tuyến của một số đoạn và xây dựng nối dài các đoạn tuyến chưa được hình thành để bảo đảm các thông số kỹ thuật, hình thành mạng lưới giao thông thông suốt, bảo đảm phục vụ thuận lợi cho sản xuất và đời sống nhân dân. Đối với 10 tuyến đường tỉnh bổ sung mới: Đầu tư các đoạn mở mới để hình thành mạng lưới giao thông thông suốt, gồm: ĐT.723, ĐT.724B, ĐT.725C (tránh Tà Nung), ĐT.725D, ĐT.726B, ĐT.726C, ĐT.727, ĐT.728, ĐT.728B, ĐT.730.

+ Quy hoạch tuyến đường kết nối giữa Cảng hàng không Liên Khương và Cảng cạn Đức Trọng, Trung tâm logistics Đức Trọng với đường cao tốc Dầu Giây - Liên Khương (CT.27), tuyến đi giáp hàng rào ranh giới phía Nam và phía Đông Cảng hàng không Liên Khương.

+ Các tuyến đường đô thị, vành đai đô thị, đường huyện, đường xã thực hiện theo quy hoạch đô thị, nông thôn, quy hoạch xây dựng vùng huyện và liên huyện.

b) Đường sắt:

- Đường sắt quốc gia: Xây dựng tuyến đường sắt Tháp Chàm - Đà Lạt theo Quy hoạch mạng lưới đường sắt thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1769/QĐ-TTg ngày 19 tháng 10 năm 2021.

- Đường sắt đô thị: Nghiên cứu phát triển 06 tuyến xe điện mặt đất (tramway)/xe điện một ray (monorail), trong đó nghiên cứu triển khai tuyến ga Đà Lạt đi sân bay Liên Khương, huyện Đức Trọng trong giai đoạn 2021 - 2030. Sau năm 2030, nghiên cứu đầu tư nâng cấp 03 tuyến xe buýt trục Đèo Prenn - Bến xe Mai Anh Đào, Cam Ly - Đarahoa, Đèo Prenn - Bến xe Liên Nghĩa thành các tuyến xe điện mặt đất/xe điện một ray đáp ứng nhu cầu đi lại của người dân và khách du lịch.

c) Cảng hàng không:

Nâng cấp cảng hàng không Liên Khương: Quy mô, cấp sân bay; công suất thiết kế; diện tích đất thực hiện theo Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 648/QĐ-TTg ngày 07 tháng 6 năm 2023.

d) Cảng cạn:

Nội dung phát triển cụ thể hệ thống cảng cạn thực hiện theo Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng cạn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 979/QĐ-TTg ngày 22 tháng 8 năm 2023, cụ thể:

- Cảng cạn Đức Trọng thuộc địa phận huyện Đức Trọng với quy mô 5-10 ha, năng lực thông quan 50.000 - 100.000 Teu năm: Đầu tư xây dựng giai đoạn đến 2030.

- Cảng cạn Bảo Lộc thuộc địa phận thành phố Bảo Lộc với quy mô 5 ha: Đầu tư xây dựng giai đoạn sau 2030.

(Chi tiết tại Phụ lục VII kèm theo)

đ) Công trình hạ tầng giao thông khác:

- Bến xe: Tiếp tục duy trì khai thác 12 bến xe hiện hữu; một số bến xe được quy hoạch mở mới giai đoạn trước 2030, gồm: Thành phố Đà Lạt 02 bến, huyện Lạc Dương 01 bến, huyện Đam Rông 01 bến, huyện Đạ Huoai 01 bến, huyện Bảo Lâm 01 bến, huyện Đức Trọng 01 bến và mở mới một số bến xe khác tại các huyện phục vụ nhu cầu đi lại của người dân.

- Hệ thống trạm dừng nghỉ: Xây dựng mới các trạm dừng nghỉ trên các tuyến cao tốc và các tuyến quốc lộ đi qua địa bàn tỉnh bảo đảm phục vụ thuận lợi cho hoạt động vận tải và nhu cầu của nhân dân; bố trí tại các huyện: Đạ Huoai, Bảo Lộc, Di Linh, Lạc Dương, Lâm Hà, Đam Rông.

2. Phương án phát triển mạng lưới cấp điện

- Đầu tư các dự án nguồn điện cấp quốc gia, lưới điện 500kV, 220kV theo Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 15 tháng 5 năm 2023. Phát triển lưới điện truyền tải và phân phối gắn với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Từng bước thực hiện đầu tư và cải tạo lưới điện theo quy hoạch.

- Nghiên cứu phát triển nguồn điện trên địa bàn tỉnh tại các vị trí có tiềm năng. Khai thác và sử dụng có hiệu quả các nguồn tài nguyên năng lượng trong tỉnh phục vụ sản xuất điện.

- Xây dựng hệ thống lưới điện truyền tải, phân phối đồng bộ để vận hành hiệu quả, có khả năng kết nối khu vực, bảo đảm cung cấp điện an toàn, đáp ứng tiêu chí N-1 đối với vùng phụ tải quan trọng, giảm tổn thất điện năng trong khâu phân phối. Thực hiện cung cấp điện từ lưới điện quốc gia, kết hợp với cung cấp điện từ năng lượng tái tạo.

(Chi tiết tại Phụ lục VIII kèm theo)

3. Phương án phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông

- Phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, hạ tầng số, mạng kết nối vạn vật (IoT) liên thông, đồng bộ, hiện đại nhằm phục vụ chuyển đổi số toàn diện trên địa bàn tỉnh. Phát triển mới các trạm thu phát sóng di động 5G đáp ứng nhu cầu, đảm bảo cung cấp dịch vụ tại các khu đô thị, khu dân cư tập trung, khu công nghiệp và các địa điểm du lịch.

- Thực hiện ngầm hóa hạ tầng mạng cáp viễn thông khu vực đô thị trên toàn tỉnh. Nâng cấp, cải tạo và xây dựng cột treo cáp viễn thông phù hợp với từng khu vực. Xây dựng tuyến truyền dẫn quang nội tỉnh bảo đảm dung lượng cao, kết nối liên huyện, liên vùng, đặc biệt là vùng động lực, bảo đảm nhu cầu phát triển các dịch vụ băng rộng và đô thị thông minh. Ngầm hóa 100% hạ tầng mạng cáp viễn thông tại các khu công nghiệp, khu dân cư, khu đô thị, tuyến đường mới; ít nhất từ 50% đối với các khu công nghiệp, khu dân cư, khu đô thị, tuyến đường cũ.

Đầu tư hiện đại hóa Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu ở địa phương. Đến năm 2030, hoàn thành chuyển đổi số các cơ quan báo chí, thực hiện theo mô hình cơ quan truyền thông đa phương tiện, tòa soạn có kỹ thuật, công nghệ hiện đại, tính tương tác cao, phong phú về nội dung. Ứng dụng dịch vụ cung cấp nội dung cho người sử dụng dựa trên nền tảng Internet để cung cấp, truyền tải các chương trình phát thanh - truyền hình cho người dân.

- Nâng cấp, xây mới hạ tầng mạng lưới bưu chính, trọng tâm chuyển đổi hạ tầng truyền thống sang hạ tầng số, phát triển thương mại điện tử và logistics; thúc đẩy cung ứng dịch vụ công qua mạng bưu chính công cộng. Xây mới mạng lưới bưu chính cấp tỉnh. Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư xây dựng, vận hành và chia sẻ, khuyến khích sử dụng chung hạ tầng bưu chính.

4. Phương án phát triển mạng lưới thủy lợi, cấp nước

a) Phương án phát triển mạng lưới thủy lợi:

- Phát triển hạ tầng thủy lợi bảo đảm tưới, cấp nước, tiêu, thoát nước cho nông nghiệp, dân sinh, các ngành kinh tế. Phát triển hệ thống công trình thủy lợi phù hợp với phương án phân vùng, quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi, quy hoạch vùng. Chủ động các giải pháp thích ứng với tác động của biến đổi khí hậu; kịp thời bảo vệ nguồn nước, bảo vệ môi trường sinh thái.

- Duy tu, phục hồi, cải tạo, nâng cấp nhằm tận dụng, khai thác triệt để năng lực hệ thống thủy lợi, phòng chống lũ hiện có phục vụ sản xuất, phát triển du lịch và điều tiết lũ, khắc phục hạn hán và giảm thiểu ngập lụt theo hướng hiện đại hóa, tự động hóa, số hóa hệ thống, quản lý, vận hành an toàn, hiệu quả theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia, ngành, thích ứng với biến đổi khí

hậu, đặc biệt là các công trình trọng điểm của tỉnh như hồ thượng nguồn Đan Kia 2 (huyện Lạc Dương); hồ Hiệp Thuận, hồ Ta Hoét (huyện Đức Trọng); hồ Đông Thanh (huyện Lâm Hà).

(Chi tiết tại Phụ lục IX đính kèm)

b) Phương án phát triển mạng lưới cấp nước:

- Phát triển tổng thể mạng lưới đường ống truyền tải chính và đường ống truyền tải khu vực (cấp 1) theo các trục giao thông chính của tỉnh và phù hợp với định hướng phát triển các nhà máy nước, trạm cấp nước.

- Đầu tư nâng cấp, cải tạo và xây dựng mới mạng lưới phân phối (cấp 2) và mạng lưới dịch vụ (cấp 3) theo quy hoạch chi tiết, quy hoạch phân khu và các dự án cụ thể. Giảm dần khai thác nước dưới đất, tăng cường sử dụng nước mặt (sông, suối, hồ, đập). Đến năm 2030, cơ bản dừng khai thác nước dưới đất, chỉ khai thác nguồn nước mặt.

- Hệ thống cấp nước nông thôn: Đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp các công trình phục vụ sản xuất và cấp nước, đáp ứng tỷ lệ dân nông thôn sử dụng nước sạch đạt 65%, hợp vệ sinh đạt 98%, với tiêu chuẩn cấp nước tối thiểu là 60 lít/người/ngày đêm. Tổng công suất tối thiểu là 14.450 m^3/ngày đêm.

(Chi tiết tại Phụ lục IX đính kèm)

5. Phương án phát triển hệ thống thoát nước, xử lý nước thải, khu xử lý chất thải, nghĩa trang

a) Phương án phát triển mạng lưới thoát nước:

Thoát nước mặt và cao độ nền: Đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo mạng lưới thoát nước đô thị, đảm bảo nền xây dựng các đô thị và khu chức năng (cụm công nghiệp, khu du lịch, di tích...) tuân thủ theo đúng quy hoạch được duyệt, ổn định nền đất, tránh các tai biến địa chất. Toàn bộ hệ thống cống thoát nước được quản lý vận hành, duy tu bảo dưỡng thường xuyên và định kỳ. Lâu dài, các đô thị hoàn thiện hệ thống thoát nước mặt giải quyết triệt để tình trạng ngập úng cục bộ.

b) Thoát và xử lý nước thải:

Thoát nước thải thực hiện theo các quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, quy hoạch khu chức năng. Các đô thị, khu cụm công nghiệp có hệ thống thu gom và trạm xử lý nước thải sinh hoạt tập trung. Toàn bộ nước thải cơ sở y tế và nước thải các cơ sở công nghiệp được xử lý đạt tiêu chuẩn theo quy định trước khi xả vào cống chung của đô thị hoặc xả ra môi trường. Về lâu dài, áp dụng công nghệ xử lý nước thải tiên tiến, xử lý nước thải bậc cao để tái sử dụng nước tưới cây, rửa đường và các nhu cầu khác tại các đô thị, khu du lịch.

c) Xử lý chất thải rắn:

- Phát triển các mô hình quản lý tổng hợp chất thải rắn, giảm thiểu phát sinh và phân loại chất thải rắn tại nguồn. Ứng dụng các công nghệ thu gom và xử lý tiên tiến, thân thiện môi trường; lựa chọn các công nghệ xử lý chất thải rắn tiên tiến, kết hợp với thu hồi năng lượng, giảm phát thải khí nhà kính, an toàn và phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế xã hội của địa phương; phát triển ngành công nghiệp tái chế, khuyến khích sử dụng, tiêu thụ các sản phẩm từ quá trình xử lý chất thải rắn.

- Đầu tư nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới các khu xử lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng. Chất thải rắn sinh hoạt và công nghiệp thông thường được thu gom và đưa về các khu xử lý chất thải từng đơn vị cấp huyện; chất thải rắn nguy hại, y tế được đưa về các cơ sở có chức năng xử lý theo phân vùng. Ưu tiên xây dựng các nhà máy xử lý chất thải có thu hồi năng lượng và phát điện, hạn chế tối đa lượng chất thải chôn lấp.

d) Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng, nhà tang lễ:

- Cải tạo, mở rộng và đầu tư xây mới các nghĩa trang, cơ sở hỏa táng cấp huyện, nhà tang lễ hiện có, bảo đảm đồng bộ các khu chức năng, hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hệ thống xử lý ô nhiễm, vệ sinh môi trường và cảnh quan theo quy định, phù hợp với phong tục tập quán, văn hóa tâm linh mọi vùng miền. Khuyến khích và nâng cao tỷ lệ hỏa táng sử dụng công nghệ hiện đại, giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Cải tạo, nâng cấp nghĩa trang liệt sỹ, đài tưởng niệm hiện có.

- Di dời các mộ nhỏ lẻ, nghĩa trang trong khu vực phát triển đô thị hiện hữu khi gây ô nhiễm môi trường, không có khả năng khắc phục về các nghĩa trang tập trung của huyện và thành phố. Các nghĩa trang hiện có nằm trong khu vực phát triển đô thị không được sử dụng hình thức hung táng.

- Nghĩa trang nông thôn: Phấn đấu mỗi xã bố trí nghĩa trang tập trung trên cơ sở mở rộng các nghĩa trang xã, thôn hiện có hoặc xây dựng mới ở vị trí phù hợp để quy tập mộ di chuyển trong khu vực, đảm bảo phục vụ nhu cầu an táng lâu dài, tạo điều kiện chôn cất văn minh, hợp vệ sinh, tiết kiệm đất đai.

(Chi tiết tại Phụ lục X kèm theo)

6. Phương án phát triển phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ

- Xây dựng hệ thống trụ sở, doanh trại, công trình của lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cấp tỉnh, cấp huyện, trong đó ưu tiên bố trí trụ sở các đơn vị Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tại các khu vực đô thị, các khu vực trọng điểm về phòng cháy và chữa cháy, đảm bảo mỗi đơn vị hành chính cấp huyện có tối thiểu 01 đội Cảnh sát phòng cháy

chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; bảo đảm thuận tiện về giao thông, nguồn nước, thông tin liên lạc, phù hợp với quy hoạch ngành quốc gia về hạ tầng phòng cháy chữa cháy đáp ứng các quy định hiện hành.

- Đầu tư cơ sở vật chất, kỹ thuật, công trình phục vụ ứng phó khẩn cấp, huấn luyện, chỉ huy điều hành, kiểm định phương tiện và nghiên cứu khoa học - công nghệ phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ… đáp ứng yêu cầu xây dựng lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ chính quy, tinh nhuệ, hiện đại và phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và quy mô tính chất hoạt động của từng đơn vị.

(Chi tiết tại Phụ lục XI kèm theo)

7. Phương án phát triển hạ tầng đô thị và phát triển nhà ở

- Phát triển hạ tầng các đô thị bảo đảm các tiêu chí tương ứng với phân loại đô thị theo quy hoạch. Đối với hạ tầng các đô thị có địa giới liền kề: Quy hoạch và đầu tư các công trình hạ tầng đô thị dùng chung để phát huy hiệu quả, tạo kết nối giữa các đô thị để hướng tới hình thành đô thị chung, thống nhất.

- Phát triển nhà ở theo các chương trình phát triển đô thị, đa dạng hóa các loại nhà ở như nhà ở riêng lẻ, nhà ở chung cư, nhà ở thương mại, nhà ở tái định cư, nhà ở xã hội, kèm theo hệ thống hạ tầng kỹ thuật - hạ tầng xã hội đồng bộ, hiện đại.

VII. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG XÃ HỘI

1. Phương án phát triển mạng lưới cơ sở y tế

- Phát triển hệ thống y tế đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh của nhân dân; nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống y tế dự phòng và kiểm soát bệnh tật. Phát triển nguồn nhân lực y tế, đào tạo đội ngũ bác sĩ, dược sĩ.

- Nâng cấp, cải tạo các cơ sở y tế tuyến tỉnh hiện có. Đầu tư nâng cấp, cải tạo 06 trung tâm y tế huyện, xây dựng mới 03 trung tâm y tế huyện, thành phố.

- Đồng bộ mạng lưới và kết cấu hạ tầng, cơ sở vật chất khám chữa bệnh. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng các cơ sở y tế ngoài công lập, đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe của nhân dân; trong đó ưu tiên phát triển các bệnh viện ngoài công lập (bệnh viện đa khoa, bệnh viện chuyên khoa, viện dưỡng lão, nghỉ dưỡng, trung tâm chẩn đoán kỹ thuật cao, cơ sở xã hội hóa trong các bệnh viện công lập...).

(Chi tiết tại Phụ lục XII kèm theo)

2. Phương án phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục - đào tạo

- Tiếp tục phát triển hạ tầng giáo dục đại học trên địa bàn tỉnh trở thành trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, trung tâm nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ của tỉnh và khu vực Tây Nguyên.

- Cải tạo, nâng cấp mạng lưới cơ sở giáo dục các cấp theo hướng hiện đại, phù hợp với nhu cầu và điều kiện thực tế của địa phương. Đầu tư xây dựng, nâng cấp các cơ sở vật chất trường, lớp trên địa bàn tỉnh đảm bảo đủ điều kiện phục vụ công tác dạy và học và phấn đấu xây dựng một số trường đạt chuẩn quốc gia theo lộ trình. Khuyến khích đầu tư, xây dựng và phát triển các cơ sở giáo dục ngoài công lập.

- Xây dựng mới trường trung học phổ thông có nhiều cấp học và thu hút đầu tư các trường liên cấp, nhiều cấp học tại các địa phương trên địa bàn tỉnh.

(Chi tiết tại Phụ lục XIII kèm theo)

3. Phương án phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp

- Hoàn thiện mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo hướng tinh gọn, hiệu quả thông qua việc sắp xếp lại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập hiện có và đẩy mạnh phát triển các cơ sở giáo dục nghề nghiệp ngoài công lập.

- Đào tạo, nâng cao trình độ của đội ngũ giáo viên cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đạt chuẩn quốc gia và khu vực, ưu tiên đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo cho các trường giáo dục nghề trọng điểm. Khuyến khích đầu tư, xây dựng và phát triển các cơ sở giáo dục nghề nghiệp ngoài công lập.

- Cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất cho 04 trường Cao đẳng bao gồm: Cao đẳng Đà Lạt, Cao đẳng Y tế Lâm Đồng, Cao đẳng Du lịch Đà Lạt, Cao đẳng Công nghệ và kinh tế Bảo Lộc và các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên các huyện, thành phố.

(Chi tiết tại Phụ lục XIV kèm theo)

4. Phương án phát triển thiết chế văn hóa, thể dục, thể thao

- Đầu tư xây dựng hoàn chỉnh cơ sở hạ tầng Trung tâm huấn luyện Thể thao quốc gia, Sân vận động trong Khu liên hợp Văn hóa - Thể thao; Trung tâm Văn hóa - Thể thao tỉnh; nâng cấp trung tâm Văn hóa thông tin và Thể thao thành phố Bảo Lộc thành Trung tâm Thể thao liên huyện, đảm nhiệm việc đào tạo và cung cấp vận động viên cho tuyến trên. Tập trung đầu tư bằng nhiều hình thức để xây dựng các Nhà thi đấu đa năng, Khu thể thao dưới nước cấp tỉnh; Công viên thể dục thể thao liên huyện và các nhà thi đấu đa năng, tổ hợp các

cụm luyện tập thi đấu thể thao (nhà ở tập trung vận động viên, sân tập bóng đá, cụm sân quần vợt,...).

- Đầu tư nâng cấp các trung tâm văn hóa, thông tin và thể thao của các huyện, thành phố đạt tiêu chuẩn, hiện đại.

- Sử dụng đất hiệu quả, bảo đảm môi trường tại các dự án xã hội hóa đầu tư; tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư, phát triển cơ sở hạ tầng nhằm phát triển toàn diện lĩnh vực văn hóa, thể dục, thể thao.

(Chi tiết tại Phụ lục XV kèm theo)

5. Phương án phát triển hạ tầng thương mại

- Hình thành 02 trung tâm logistics tại huyện Đức Trọng, thành phố Bảo Lộc; đầu tư xây dựng sàn giao dịch thương mại, du lịch của tỉnh.

- Phát triển hạ tầng thương mại hiện đại (trung tâm thương mại, siêu thị, cửa hàng tiện lợi) ở các đô thị. Hình thành trung tâm hội chợ triển lãm tại thành phố Đà Lạt, thành phố Bảo Lộc và phát triển các khu, trung tâm thương mại trên địa bàn các huyện, thành phố.

- Đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp các dự án chợ đáp ứng các yêu cầu cơ bản về phòng chống cháy nổ, vệ sinh, an toàn thực phẩm. Duy trì, cải tạo 07 chợ hạng I trên địa bàn tỉnh; xây dựng mới chợ đầu mối nông sản tại thành phố Bảo Lộc, trung tâm giao dịch hoa tại thành phố Đà Lạt; hình thành các kho bảo quản, lưu trữ nông sản trên địa bàn tỉnh.

- Khuyến khích thu hút đầu tư, xã hội hóa để phát triển trung tâm logistic, trung tâm đầu mối, trung tâm thương mại, siêu thị, chợ đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế của các địa phương.

(Chi tiết tại Phụ lục XVI kèm theo)

6. Phương án phát triển cơ sở trợ giúp xã hội

- Củng cố, hoàn thiện, nâng cấp trang thiết bị hệ thống hạ tầng an sinh xã hội hiện có trên địa bàn tỉnh nhằm đảm bảo cơ bản điều kiện chăm sóc, trợ giúp cho người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, người tâm thần, người nghiện ma túy và đối tượng cần sự bảo vệ khẩn cấp.

- Mở rộng, nâng cấp các cơ sở trợ giúp xã hội hiện có (cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng; trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh Lâm Đồng; cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Lâm Đồng), tăng công suất tiếp nhận cho các cơ sở.

- Xây dựng mới cơ sở trợ giúp xã hội tổng hợp tại thành phố Bảo Lộc; cơ sở trợ giúp xã hội cho người cao tuổi tại huyện Lạc Dương. Khuyến khích tổ

chức, cá nhân, doanh nghiệp tham gia đầu tư xây dựng, quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập trên địa bàn các huyện, thành phố.

(Chi tiết tại Phụ lục XVII kèm theo)

7. Phương án phát triển hạ tầng khoa học và công nghệ

- Đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất và trang thiết bị cho các tổ chức nghiên cứu khoa học công nghệ trên địa bàn tỉnh nhằm đảm bảo trang thiết bị đồng bộ, hiện đại để thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu và chuyển giao khoa học và công nghệ phù hợp với các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, tận dụng hiệu quả các thành tựu của cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

- Đầu tư xây dựng trụ sở làm việc cho các đơn vị sự nghiệp công lập; tăng cường năng lực cho đơn vị giữ chuẩn đo lường - Trung tâm kỹ thuật Tiêu chuẩn đo lường chất lượng; khu công nghệ sinh học và Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Đà Lạt; tổ hợp nghiên cứu sáng tạo tại thành phố Đà Lạt; trung tâm nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ giống cây trồng vật nuôi.

(Chi tiết tại Phụ lục XVIII kèm theo)

VIII. PHƯƠNG ÁN PHÂN BỔ VÀ KHOANH VÙNG ĐẤT ĐAI

Nguồn lực đất đai được điều tra, đánh giá, thống kê, kiểm kê, lượng hóa, hạch toán đầy đủ trong nền kinh tế, được quy hoạch sử dụng hiệu quả, hợp lý, tiết kiệm, bền vững với tầm nhìn dài hạn; đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh; phát triển giáo dục, văn hóa, thể thao; bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; tạo động lực cho sự phát triển của tỉnh. Bảo đảm việc bố trí sử dụng đất hợp lý trên cơ sở cân đối nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực phù hợp với chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030 được Thủ tướng Chính phủ phân bổ và nhu cầu sử dụng đất đáp ứng yêu cầu thực tiễn phát triển của tỉnh.

(Chi tiết tại Phụ lục XIX kèm theo)

IX. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH XÂY DỰNG VÙNG LIÊN HUYỆN, VÙNG HUYỆN

1. Phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện

a) Vùng liên huyện Đông - Bắc (Tiểu vùng I):

- Phạm vi, ranh giới bao gồm: Thành phố Đà Lạt (sáp nhập huyện Lạc Dương) và các huyện Đơn Dương, Đức Trọng, một phần huyện Lâm Hà (thị trấn Nam Ban và 04 xã Mê Linh, Đông Thanh, Gia Lâm, Nam Hà).

- Tính chất:

+ Là vùng trọng điểm, có vai trò là khu vực động lực phát triển của tỉnh.

Thành phố Đà Lạt mở rộng là trung tâm vùng (sáp nhập huyện Lạc Dương) và vùng phụ cận được mở rộng một phần huyện Lâm Hà (thị trấn Nam Ban, xã Mê Linh, Đông Thanh, Gia Lâm, Nam Hà) là trung tâm du lịch cao cấp quốc gia có ý nghĩa quốc tế.

+ Là Trung tâm chính - chính trị, kinh tế - văn hóa, khoa học - kỹ thuật của tỉnh Lâm Đồng; Trung tâm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng cao cấp và du lịch văn hóa di sản tầm quốc gia, khu vực và quốc tế. Trong đó thành phố Đà Lạt là đô thị hạt nhân hành chính - chính trị, kinh tế - văn hóa, khoa học - kỹ thuật, du lịch nghỉ dưỡng và huyện Đức Trọng được quy hoạch, đầu tư xây dựng khu chức năng đô thị hành chính tại Khu đô thị Liên Khương - Prenn và khu vực lân cận với vai trò là trung tâm hành chính - chính trị mới của tỉnh Lâm Đồng, san sẻ chức năng trung tâm hành chính - chính trị với thành phố Đà Lạt.

- Định hướng phát triển:

+ Phát triển thành phố Đà Lạt và vùng phụ cận theo mô hình chuỗi các đô thị liên kết theo tuyến vành đai và xuyên tâm; kết nối với các vùng du lịch nghỉ dưỡng, sinh thái, các vùng cảnh quan rừng, cảnh quan nông nghiệp; phát triển bền vững; bảo tồn và phát huy tính đặc thù về tự nhiên và văn hóa - lịch sử; Thành phố Đà Lạt trở thành thành phố Di sản thế giới.

+ Phát triển du lịch: Thành phố Đà Lạt và vùng phụ cận là trung tâm du lịch của tỉnh, quốc gia và quốc tế, phát triển kinh tế ban đêm, du lịch chất lượng cao, du lịch giải trí, du lịch nông nghiệp, thương mại hội nghị, di sản và văn hóa. Tập trung phát triển các sản phẩm du lịch có tính khác biệt như: Du lịch nghỉ dưỡng, sinh thái, du lịch nông nghiệp, du lịch thể thao (gôn,…), du lịch mạo hiểm. Phát triển các tuyến du lịch gắn với các vùng trong và ngoài nước.

+ Phát triển nông nghiệp: ưu tiên phát triển kinh tế nông nghiệp, hình thành các khu nông nghiệp công nghệ cao cấp quốc gia, là vùng trọng tâm phát triển dược liệu, phát triển sản phẩm theo hướng hàng hoá từ vùng nguyên liệu tại Lâm Hà, Đức Trọng.

+ Phát triển mạng lưới không gian xanh: Bảo vệ di sản thiên nhiên và kiến trúc, khu dự trữ sinh quyển thế giới Lang Biang, khu dự trữ thiên nhiên Đơn Dương, Bảo tàng thiên nhiên Tây Nguyên,…

b) Vùng liên huyện trung chuyển (Tiểu vùng II):

- Phạm vi, ranh giới bao gồm: Huyện Di Linh, huyện Đam Rông, huyện Lâm Hà (thị trấn Đinh Văn, xã Đạ Đờn, Phú Sơn, Phi Tô, Tân Văn, Tân Hà, Liên Hà, Đan Phượng, Hoài Đức, Phúc Thọ, Tân Thanh).

- Tính chất: Là vùng sản xuất cây công nghiệp, dược liệu, chăn nuôi, công nghiệp chế biến và dịch vụ du lịch; là vùng đệm sinh thái trung chuyển giữa

tiểu vùng I và tiểu vùng II, trong đó đô thị Di Linh là trung tâm của vùng.

- Định hướng phát triển: Phát triển vùng chuyên canh theo hướng nông nghiệp sạch, nông nghiệp công nghệ cao, hình thức trang trại quy mô lớn; vùng chăn nuôi tập trung hình thức trang trại quy mô lớn. Bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ, rừng sản xuất, phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học. Phát triển thương mại dịch vụ ở thị trấn Di Linh, Đinh Văn, Đạ Rsal, khai thác lợi thế giao điểm của trục hành lang kinh tế Bắc Nam và Đông Tây nối kết giữa Đắk Nông - Lâm Đồng - Lâm Đồng. Phát triển đô thị, ưu tiên phát triển du lịch thể thao (gôn,…), du lịch nghỉ dưỡng và du lịch sinh thái.

c) Vùng liên huyện Tây - Nam (Tiểu vùng III):

- Phạm vi, ranh giới bao gồm: Thành phố Bảo Lộc, huyện Bảo Lâm, huyện Đạ Huoai mới (gồm huyện Đạ Huoai, huyện Đạ Tẻh và huyện Cát Tiên hiện hữu).

- Tính chất: Là tiểu vùng kinh tế, động lực phía Tây Nam tỉnh, trong đó thành phố Bảo Lộc là trung tâm tiểu vùng, phát huy tiềm năng, lợi thế tiếp giáp với các vùng kinh tế lớn của các tỉnh, thành phía Nam như: Đồng Nai, Bình Dương, Bình Phước và Thành phố Hồ Chí Minh. Đây vùng trọng tâm của tỉnh về phát triển du lịch sinh thái cảnh quan rừng, du lịch hỗn hợp, du lịch nghỉ dưỡng chất lượng cao, du lịch văn hóa, vui chơi giải trí có cá cược; phát triển ngành công nghiệp chế biến bauxít - alumin, nhôm và các sản phẩm từ nhôm, công nghiệp năng lượng; là vùng sản xuất cây ăn trái, cây công nghiệp chất lượng cao như: Điều, sầu riêng, cao su,…

- Định hướng phát triển: Hạt nhân là thành phố Bảo Lộc, là đô thị động lực chính của vùng đô thị phía Nam tỉnh. Phân vùng Đạ Huoai, Đạ Tẻh và Cát Tiên trở thành phân vùng phía Nam thuộc tiểu vùng III với vai trò phát triển kinh tế - xã hội tổng hợp để phát huy vai trò kết nối Tiểu vùng III nói riêng và tỉnh Lâm Đồng nói chung với khu vực các tỉnh miền Đông Nam Bộ. Phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch, du lịch thể thao chất lượng cao (nghỉ dưỡng, gôn, đua ngựa, đua chó,…), dịch vụ du lịch chăm sóc sức khỏe, du lịch sinh thái rừng.

2. Phương án quy hoạch xây dựng vùng huyện

Quy hoạch các vùng huyện đảm bảo phù hợp với mục tiêu định hướng phát triển tổng thể của tỉnh gồm:

- Vùng huyện Đức Trọng là trung tâm chính trị - hành chính mới của tỉnh, san sẻ chức năng với thành phố Đà Lạt; trung tâm dịch vụ - thương mại hỗn hợp, trung tâm văn Văn hóa thể thao, trung tâm công nghệ cao và khu phi thuế quan, trung tâm dịch vụ du lịch hỗn hợp cấp vùng, trung tâm nông nghiệp công nghệ cao. Phát triển kinh tế trên 3 lĩnh vực chính là nông nghiệp, công nghiệp và thương mại dịch vụ, cảng cạn, logistics, hình thành các khu đô thị mới, các tổ hợp du lịch nghỉ dưỡng, dịch vụ chuyên đề lớn như du lịch hồ Đại Ninh, du

lịch thể thao Gôn, dịch vụ chơi giải trí.

- Vùng huyện Di Linh là vùng đô thị - công nghiệp tập trung, vùng cảnh quan và không gian mở, trung tâm của vùng liên huyện trung chuyển; vùng bảo tồn rừng cảnh quan, nguồn nước và đa dạng sinh học của vùng Tây Nguyên, vùng Đông Nam Bộ và quốc gia; tập trung phát triển dược liệu, phát triển du lịch thể thao, du lịch nghỉ dưỡng, thương mại dịch vụ, vui chơi giải trí, khu đô thị mới.

- Vùng huyện Đơn Dương là vùng nông nghiệp công nghệ cao và phát triển kinh tế lâm nghiệp gắn với bảo tồn các khu bảo tồn thiên nhiên; phát triển các làng nghề truyền thống nổi tiếng; phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng.

- Vùng huyện Lâm Hà là trung tâm nghiên cứu phát triển sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, phát triển vùng chuyên canh theo hướng nông nghiệp sạch, công nghiệp chế biến và sản xuất vật liệu xây dựng, phát triển dịch vụ - du lịch sinh thái - nghỉ dưỡng. Phát triển các vùng cảnh quan thiên nhiên, các hành lang bảo tồn đa dạng sinh học.

- Vùng huyện Đam Rông là vùng định hướng phát triển vùng nông nghiệp, vùng nguyên liệu cho công nghiệp chế biến và chăn nuôi; phát triển tiểu thu công nghiệp, sản xuất, du lịch, nghỉ dưỡng, dịch vụ; phát triển các ngành năng lượng tái tạo; phát triển các vùng cảnh quan mặt nước. Thuộc vùng bảo vệ nguồn nước, rừng đầu nguồn của hệ thống sông Krông Nô.

- Vùng huyện Bảo Lâm là trung tâm công nghiệp chế biến nông, lâm sản của tỉnh; phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng; phát triển ngành công nghiệp chế biến bauxít - alumin, nhôm và các sản phẩm từ nhôm, công nghiệp năng lượng; là đô thị vệ tinh của thành phố Bảo Lộc, bổ sung một số chức năng của đô thị Bảo Lộc như: Du lịch sinh thái, công nghiệp phụ trợ.

- Vùng huyện Đạ Huoai mới (từ huyện Đạ Tẻh, Đạ Huoai, Cát Tiên sáp nhập vào): Là cửa ngõ phía Tây Nam của tỉnh Lâm Đồng; thuộc vùng kinh tế động lực phía Tây Nam, tỉnh Lâm Đồng; là vùng đệm của thành phố Bảo Lộc trong quy hoạch vùng III của tỉnh. Phát huy lợi thế, khai thác hiệu quả lợi thế do đường cao tốc Dầu Giây - Liên Khương đem lại. Là trung tâm công nghiệp chế biến nông, lâm sản của tỉnh, thuộc vùng bảo vệ nguồn nước, rừng đầu nguồn của hệ thống sông Đồng Nai, vườn Quốc gia Cát Tiên, phát triển trồng trọt và chăn nuôi chất lượng cao, hướng đến hình thành vùng sản xuất nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp thông minh. Khai thác thế mạnh từ rừng và đất rừng để phát triển du lịch sinh thái cảnh quan rừng, du lịch hỗn hợp, danh lam thắng cảnh, du lịch nghỉ dưỡng chất lượng cao, thương mại dịch vụ vui chơi giải trí có cá cược. Thị trấn Đạ Tẻh là trung tâm chính trị, kinh tế, xã hội của huyện.

X. PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG; KHAI THÁC, SỬ DỤNG, BẢO VỆ TÀI NGUYÊN, ĐA DẠNG SINH HỌC; PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

1. Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học

a) Về phân vùng môi trường:

Phân vùng môi trường tỉnh Lâm Đồng theo vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải và vùng khác đã được định hướng trong quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia như sau:

- Vùng bảo vệ nghiêm ngặt: Các đối tượng trong vùng bảo vệ nghiêm ngặt, gồm: (1) Khu dân cư tập trung ở đô thị bao gồm: nội thành, nội thị của các đô thị đặc biệt, loại I, loại II, loại III theo quy định của pháp luật về phân loại đô thị; (2) Nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước; (3) Khu bảo tồn thiên nhiên theo quy định của pháp luật về đa dạng sinh học, lâm nghiệp và thủy sản; (4) Khu vực bảo vệ 1 của di tích lịch sử - văn hóa theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa; (5) Vùng lõi của di sản thiên nhiên theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Vùng hạn chế phát thải: Các đối tượng trong vùng hạn chế phát thải, gồm: (1) Vùng đệm của các vùng bảo vệ nghiêm ngặt; (2) Vùng đất ngập nước quan trọng đã được xác định theo quy định của pháp luật; (3) Hành lang bảo vệ nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước; (4) Khu dân cư tập trung là nội thành, nội thị của các đô thị loại IV, loại V theo quy định của pháp luật về phân loại đô thị; (5) Khu vui chơi giải trí dưới nước theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; (6) Khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường dễ bị tổn thương trước tác động của ô nhiễm môi trường khác cần được bảo vệ.

- Vùng khác: Các vùng còn lại trên địa bàn tỉnh.

(Chi tiết tại Phụ lục XX kèm theo)

b) Về bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học:

Gia tăng diện tích các hệ sinh thái tự nhiên được bảo vệ, phục hồi và bảo đảm tính toàn vẹn, kết nối; đa dạng sinh học được bảo tồn, sử dụng bền vững nhằm góp phần phát triển kinh tế - xã hội theo định hướng nền kinh tế xanh, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, gồm:

- Khu bảo tồn thiên nhiên: Vườn quốc gia Bidoup - Núi Bà; Vườn quốc gia Cát Tiên (Khu Cát Tiên - Bảo Lâm); Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang; Khu rừng bảo vệ cảnh quan Đà Lạt; Khu rừng nghiên cứu thực nghiệm khoa học (Khu rừng nghiên cứu thực nghiệm khoa học ở Đà Lạt, Khu rừng nghiên cứu thực nghiệm khoa học ở Đức Trọng); Khu dự trữ thiên nhiên Đơn Dương;

Khu bảo tồn loài/sinh cảnh Núi Voi; Khu bảo tồn loài/sinh cảnh Phát Chi; Khu bảo tồn loài/sinh cảnh Mađaguôi.

- Hành lang đa dạng sinh học: Hành lang đa dạng sinh học phân bố ở huyện Lạc Dương, Đam Rông và Lâm Hà; hành lang đa dạng sinh học phân bố ở huyện Đam Rông và Lâm Hà; hành lang đa dạng sinh học phân bố ở huyện Di Linh, Bảo Lâm, Đạ Tẻh và Cát Tiên.

- Cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học: Vườn thực vật Bidoup - Núi Bà; Vườn thực vật INTEREXREGA; Công viên bảo tồn động vật hoang dã Tây Nguyên - Vườn động vật tại Công viên bảo tồn động vật hoang dã Tây Nguyên - Trung tâm cứu hộ động vật hoang dã tại Vườn quốc gia Bidoup - Núi Bà.

- Cảnh quan sinh thái quan trọng: Hệ sinh thái rừng lá kim; rừng phòng hộ môi trường cảnh quan thành phố Đà Lạt.

(Chi tiết tại Phụ lục XXI kèm theo)

c) Về quan trắc môi trường:

- Duy trì các điểm quan trắc hiện có theo chương trình quan trắc cấp tỉnh và huyện, bổ sung quy hoạch mới các điểm quan trắc nước mặt và nước dưới đất, quan trắc không khí, quan trắc chất lượng đất và quan trắc thủy sinh vật. Mạng lưới trạm khí tượng thủy văn trên địa bàn tỉnh phải bảo đảm tính hiện đại, tự động.

- Tăng dày mật độ trạm khí tượng thủy văn tự động bảo đảm các yêu cầu phục vụ dự báo số, dự báo điểm. Ưu tiên phát triển mới các trạm quan trắc khí tượng thủy văn tại các vùng có nguy cơ cao xảy ra các loại hình thiên tai nguy hiểm còn trống số liệu, vùng chịu tác động mạnh do biến đổi khí hậu.

d) Về bảo vệ và phát triển rừng:

- Phát triển bền vững rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất và phát triển kết cấu hạ tầng lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh; bảo vệ và phát triển hiệu quả diện tích rừng hiện có và rừng được tạo mới, đảm bảo phù hợp với định hướng quy hoạch lâm nghiệp quốc gia.

- Nâng cao năng lực, đầu tư đồng bộ và hiện đại hóa cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật thông tin ngành lâm nghiệp, đặc biệt hạ tầng phục vụ bảo vệ rừng (rà soát cắm mốc ranh giới và duy tu, sửa chữa các mốc hiện có; xây dựng mới và nâng cấp, sửa chữa các trạm kiểm lâm; xây dựng chòi quan sát, nâng cấp các tuyến đường mòn tuần tra bảo vệ rừng kết hợp phòng cháy, chữa cháy rừng và phát triển du lịch sinh thái; xây dựng các bảng tuyên truyền bảo vệ rừng; xây dựng Trung tâm cứu hộ động vật hoang dã; xây dựng nhà trưng bày, bảo quản tiêu bản động, thực vật).

(Chi tiết tại Phụ lục XXII kèm theo)

2. Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên

a) Đối với khoáng sản thuộc thẩm quyền quản lý của Trung ương:

- Phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Thực hiện tốt công tác bảo vệ khu vực khoáng sản bô-xít dự trữ quốc gia trên địa bàn tỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Triển khai thực hiện Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản và Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các khoáng sản làm vật liệu xây dựng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Trên địa bàn tỉnh gồm có các khoáng sản bô-xít, vàng, vonfram, thiếc-vonfram, bentonit, diatomit, cao lanh và đá ốp lát.

b) Đối với các khoáng sản thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh:

- Thực hiện phát triển thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường: sét gạch ngói (Sgn), cát cuội sỏi thông thường (Cs), đá xây dựng thông thường (Dxd), đá chẻ làm ốp lát thông thường (Dc) và đá, đất làm vật liệu san lấp (Dsl).

- Đảm bảo cung cấp đủ nguồn khoáng sản làm vật liệu xây dựng cho tuyến cao tốc Tân Phú - Bảo Lộc - Liên Khương và xây dựng công trình trên địa bàn.

(Chi tiết tại Phụ lục XXIII kèm theo)

3. Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống, khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra

a) Phân bổ nguồn tài nguyên nước:

- Phân vùng chức năng của nguồn nước đối với từng đoạn sông chính theo mục đích sử dụng.

- Thứ tự ưu tiên phân bổ nguồn nước cho các đối tượng sử dụng nước trong kỳ quy hoạch của tỉnh Lâm Đồng được sắp xếp từ cao đến thấp cụ thể như sau: sinh hoạt; công nghiệp; du lịch, dịch vụ; nông nghiệp; thủy sản, sản xuất điện; sản xuất công nghiệp; giao thông thủy; bảo tồn giá trị văn hóa, lịch sử, cải tạo môi trường; khai thác chế biến khoáng sản.

- Tăng cường khai thác nước mặt cho các nhu cầu sinh hoạt, công nghiệp và nông nghiệp, nguồn nước dưới đất chỉ phục vụ cho cấp nước sinh hoạt nông thôn và các khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Tăng dần tỷ lệ nước mặt cấp cho sinh hoạt, công nghiệp và nông nghiệp sẽ tăng so với hiện trạng, đảm bảo hài hoà hiệu ích kinh tế xã hội, phù hợp với nhu cầu sử dụng và khả năng đáp ứng của từng vùng.

- Định hướng nguồn nước dự phòng để cấp nước sinh hoạt:

+ Thành phố Đà Lạt, thị trấn Lạc Dương và đô thị Đức Trọng: Sử dụng nguồn nước từ Hồ Đan Kia - Suối Vàng, nguồn bổ cập lớn từ phía thượng nguồn khu vực Bidoup - Núi Bà.

+ Thành phố Bảo Lộc: Sử dụng nguồn nước từ hồ Lộc Thắng và hồ Đại Nga.

+ Huyện Đức Trọng: Sử dụng nguồn nước từ sông Đa Dâng thông qua nhà máy nước Lâm Hà hoặc từ hồ Đại Ninh thông qua nhà máy nước Đại Ninh.

- Định hướng phát triển hệ thống giám sát tài nguyên nước và khai thác, sử dụng nước; công trình điều tiết, khai thác, sử dụng, phát triển tài nguyên nước; quy hoạch các vị trí giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước.

(Chi tiết xem phụ lục XXIV kèm theo)

b) Bảo vệ tài nguyên nước:

- Sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả nguồn tài nguyên nước; tăng khả năng trữ và lưu giữ nước của các công trình hồ chứa, bảo đảm an ninh nguồn nước cho vùng; cơ cấu lại cây trồng cho phù hợp, nhất là đối với vùng thiếu nước; triển khai các giải pháp, công nghệ tưới tiết kiệm. Tăng cường hợp tác quốc tế trong quản lý, chia sẻ lợi ích từ tài nguyên nước.

- Cải thiện chất lượng nước, khắc phục tình trạng ô nhiễm tại các đoạn sông, nguồn nước đang bị ô nhiễm hoặc chưa đáp ứng được mục đích sử dụng.

- Kiểm soát hiệu quả các nguồn thải hiện có và các nguồn thải mới phát sinh: Nước thải được thu gom và xử lý đạt quy chuẩn hiện hành tương đương với chất lượng nước thải thải ra nguồn tiếp nhận dùng cho mục đích sinh hoạt. Định hướng phát triển hệ thống giám sát chất lượng nước, giám sát xả nước thải vào nguồn nước.

c) Phòng, chống, khắc phục, cảnh báo, dự báo và giảm thiểu tác hại do nước gây ra:

- Tăng cường trồng rừng và bảo vệ rừng đầu nguồn. Hoàn thiện, nâng cấp mạng lưới các trạm cảnh báo thiên tai hiện có. Rà soát các công trình đập dâng, hồ chứa nước đã xuống cấp để có kế hoạch gia cố, nâng cấp. Xóa bỏ những khu vực có nguy cơ lũ quét cao bằng các công trình ổn định mái dốc, chống sạt lở.

- Đẩy nhanh tiến độ dự án thủy lợi, các công trình phòng chống hạn. Rà soát những diện tích có khả năng thiếu nước để xây dựng kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng. Triển khai hệ thống theo dõi, giám sát tình hình hạn hán. Điều chỉnh công tác quản lý, vận hành các hồ chứa nước và nước ngầm phù hợp với việc chống hạn. Sử dụng nước tiết kiệm, tăng cường các biện pháp trữ nước. Thay đổi các cơ cấu cây trồng phù hợp với tình hình hạn hán.

- Thường xuyên theo dõi tình hình sạt lở. Kiểm soát chặt chẽ hoạt động khai thác cát, sỏi trên sông, suối, ngăn chặn triệt để tình trạng khai thác cát sỏi trái phép. Tổ chức di dời các hộ dân ra khỏi khu vực bờ sông, suối đang sạt lở, bố trí tái định cư theo các hình thức tái định cư xen ghép hoặc xây dựng khu tái định cư tập trung phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương.

- Xác định các giải pháp công trình nhằm nâng cao khả năng chống chịu của cơ sở hạ tầng, công trình phòng chống thiên tai, nhất là đê điều, hồ đập, đảm bảo an toàn với tần suất thiết kế và thích ứng với các tác động mới của thiên tai.

4. Phương án phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu

a) Phân vùng rủi ro đối với từng loại thiên tai trên địa bàn tỉnh và xác định các khu vực ưu tiên phòng, chống đối với từng loại thiên tai bao gồm: Lốc xoáy, mưa đá, nắng nóng, hạn hán, bão, áp thấp nhiệt đới, mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt, sét, sạt lở đất, sụt lún đất, sương muối, sương mù, cháy rừng do tự nhiên. Nguyên tắc và cơ chế phối hợp thực hiện biện pháp quản lý rủi ro thiên tai thực hiện theo quy định của Chính phủ.

b) Phương án quản lý rủi ro thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu:

- Xây dựng kế hoạch phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của ngành, của địa phương; sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ tìm kiếm cứu nạn theo kế hoạch, yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm, cứu nạn tỉnh.

- Chủ động phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm tổn thất về người, tài sản của nhân dân và nhà nước; góp phần chung vào việc xây dựng quốc gia có khả năng quản lý rủi ro thiên tai; xây dựng cộng đồng, xã hội an toàn trước thiên tai; tạo điều kiện phát triển bền vững kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng.

(Chi tiết tại Phụ lục XXV kèm theo)

c) Phương án phòng chống lũ của các tuyến sông có đê, phương án phát triển hệ thống đê điều và kết cấu hạ tầng phòng, chống thiên tai:

- Đối với các sông, chủ động phòng tránh và thích nghi với lũ để bảo vệ dân cư, chống lũ sớm, lũ muộn với tần suất 5% đến 10% để bảo vệ sản xuất; Chủ động tiêu, thoát nước qua công trình thủy lợi cho cây trồng, thủy sản và diện tích đất đô thị, công nghiệp.

- Đối với các sông không có đê trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng cần chỉnh trị,

nạo vét các luồng, tuyến đảm bảo tỷ lệ phân lưu, hợp lưu tăng cường khả năng thoát lũ; chống lũ chính vụ cho các khu vực có quy định tần suất chống lũ; chống lũ sớm bảo vệ sản xuất.

XI. DANH MỤC DỰ ÁN ƯU TIÊN THỰC HIỆN

Trên cơ sở định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực trọng điểm, xác định các dự án lớn, có tính chất quan trọng, tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế - xã hội để đầu tư và thu hút đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động nguồn vốn của từng thời kỳ.

(Chi tiết tại Phụ lục XXVI kèm theo)

XII. GIẢI PHÁP, NGUỒN LỰC THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Giải pháp về huy động vốn đầu tư: Huy động tổng hợp các nguồn vốn đầu tư phát triển từ ngân sách tỉnh và trung ương. Xây dựng cơ chế, chính sách huy động nguồn thu; thực hiện cơ chế công tư kết hợp (PPP) dưới nhiều hình thức; đẩy mạnh xã hội hoá các hoạt động sự nghiệp như y tế, giáo dục, đào tạo nghề, văn hóa, thể thao khoa học công nghệ, các dự án lớn trong phát triển kết cấu hạ tầng giao thông... Huy động nguồn vốn đầu tư từ doanh nghiệp, đón các làn sóng chuyển dịch đầu tư của các tập đoàn lớn, đa quốc gia và Việt Nam.

2. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực:

- Nghiên cứu xây dựng cơ chế chính sách đột phá để thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao và lao động có kỹ năng gắn với chuyển dịch cơ cấu lao động, tăng quy mô và nâng cao chất lượng dân số, đặc biệt cơ chế chính sách thu hút lao động về nhà ở khi làm việc tại tỉnh Lâm Đồng bao gồm cả nhà ở công nhân, nhà ở xã hội và nhà ở cho nguồn nhân lực chất lượng cao, các chuyên gia gắn với các thiết chế văn hóa để đảm bảo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động làm việc, sinh sống lâu dài tại tỉnh Lâm Đồng.

- Mở rộng các cơ sở đào tạo, dạy nghề chất lượng cao, ưu tiên các lĩnh vực ngành nghề trọng điểm của tỉnh, tăng cường kết nối giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp với thị trường lao động và doanh nghiệp. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Lâm Đồng đáp ứng các yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới; tiếp tục nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục các cấp. Củng cố, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục, chất lượng trường đạt chuẩn quốc gia.

3. Giải pháp về môi trường, khoa học, công nghệ:

- Chú trọng công tác thông tin, tuyên truyền về vai trò, ý nghĩa của môi trường. Áp dụng tiêu chuẩn của các nước phát triển về quản lý môi trường; phát triển, ứng dụng các mô hình kinh tế tuần hoàn, sản xuất sạch hơn, sử dụng tiết

kiệm năng lượng, tài nguyên,... đối với tất cả các ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh. Đẩy mạnh hợp tác liên tỉnh với các địa phương lân cận trong công tác bảo vệ môi trường, nhất là liên quan đến bảo vệ rừng, bảo vệ đa dạng sinh học và xử lý ô nhiễm giữa các khu vực giáp ranh, khu vực chung; đồng thời, đẩy mạnh hợp tác quốc tế, phát triển khoa học công nghệ về bảo vệ môi trường.

- Mở rộng và đẩy nhanh tốc độ ứng dụng những thành tựu của khoa học - công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin đối với tất cả các lĩnh vực kinh tế như: Chế biến chế tạo, sản xuất điện, khai khoáng, du lịch, thương mại, logistics, tài chính, nông nghiệp và các lĩnh vực y tế, giáo dục, văn hóa, thông tin truyền thông, xây dựng chính quyền điện tử hướng tới chính quyền số và xây dựng đô thị thông minh.

4. Giải pháp về cơ chế, chính sách liên kết phát triển:

- Tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 06 tháng 10 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và các chương trình hành động thực hiện Nghị quyết của Chính phủ và Ủy ban nhân dân tỉnh. Triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình hợp tác với các địa phương đã ký kết, đồng thời mở rộng hợp tác với các địa phương khác trên cơ sở bình đẳng, cùng có lợi và theo đúng pháp luật nhằm hình thành và phát triển mối quan hệ lâu dài, bền vững làm cơ sở phát huy lợi thế, khai thác các tiềm năng của từng địa phương, góp phần đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Đẩy mạnh hợp tác phát triển giữa Lâm Đồng với các tỉnh vùng Tây Nguyên, Thành phố Hồ Chí Minh và vùng duyên hải Nam Trung Bộ; hợp tác giữa Lâm Đồng và nước trong khu vực ASEAN. Lấy việc thực hiện chương trình hợp tác với các địa phương là một nhiệm vụ trọng tâm trong các hoạt động kinh tế đối ngoại của tỉnh trong thời kỳ hội nhập.

- Xây dựng hoàn chỉnh và nâng cao chất lượng các quy hoạch chung thành phố Đà Lạt và vùng phụ cận, quy hoạch các vùng huyện, quy hoạch chung các đô thị, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết để tạo động lực phát triển kinh tế xã hội. Thực hiện nghiêm việc quản lý quy hoạch, quản lý xây dựng, trật tự xây dựng và trật tự đô thị sau khi quy hoạch được phê duyệt.

- Triển khai hiệu quả các chính sách, cơ chế thỏa thuận, phối hợp giữa Lâm Đồng và các tỉnh trong vùng Đông Nam Bộ, vùng Tây Nguyên và các tỉnh phụ cận trong chia sẻ, khai thác tài nguyên, bảo vệ môi trường đặc biệt là nguồn nước mặt và lưu vực dọc hệ thống sông Đồng Nai, trong đó Lâm Đồng đóng vai trò đầu nguồn nước. Đồng thời, thực hiện các chính sách bảo vệ tài nguyên rừng, khu vực dự trữ sinh quyển, Vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên và khai thác chung các nguồn lợi từ rừng, cảnh quan thiên nhiên khu vực giáp ranh với Đồng Nai, Bình Phước, Đắk Lắk, Đắk Nông, Khánh Hòa, Ninh Thuận.

5. Giải pháp về quản lý, kiểm soát phát triển đô thị và nông thôn:

- Nghiên cứu các mô hình và thực tiễn quản lý phát triển nông thôn và đô thị toàn cầu để nâng cao năng lực quản lý và thực thi của chính quyền; ứng dụng các biện pháp kỹ thuật tiên tiến trong quản lý phát triển đô thị và nông thôn nhằm đảm bảo sự phát triển hiện đại, văn minh thân thiện với môi trường. Xây dựng và thực hiện đồng bộ các cơ chế, chính sách để phát triển các đô thị trung tâm vùng trở thành các đô thị hiện đại, thông minh, dẫn dắt và tạo hiệu ứng lan toả, liên kết vùng đô thị. Sử dụng các công cụ quy hoạch đô thị, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và các công cụ thị trường khác để điều tiết, kiểm soát chặt chẽ sự gia tăng dân số đô thị.

- Quản lý giám sát chặt chẽ đảm bảo việc xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật, kết nối mạng lưới hạ tầng chung của địa phương và các vùng phụ cận. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các đề án, chương trình quốc gia về phát triển đô thị Việt Nam ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai, dịch bệnh; cải tạo, chỉnh trang, tái thiết và nâng cấp đô thị; xây dựng và phát triển các đô thị thông minh; xây dựng nông thôn mới phù hợp với định hướng đô thị hoá.

6. Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch:

- Công tác tổ chức triển khai thực hiện quy hoạch cần được đổi mới phù hợp với yêu cầu của thực tiễn và thông lệ quốc tế. Tổ chức công bố công khai quy hoạch bằng nhiều hình thức khác nhau, tạo sự đồng thuận, nhất trí trong triển khai thực hiện. Trong quá trình triển khai thực hiện, định kỳ đánh giá, giám sát việc thực hiện quy hoạch theo quy định.

- Thực hiện rà soát, điều chỉnh, bổ sung và xây dựng mới quy hoạch chung, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch sử dụng đất cấp huyện và các quy hoạch khác theo quy định của pháp luật về quy hoạch theo hướng đồng bộ. Xây dựng chương trình hành động cụ thể, hiệu quả; đẩy mạnh hoạt động xúc tiến đầu tư, tổ chức giới thiệu, quảng bá về tiềm năng, lợi thế của địa phương với các nhà đầu tư trong và ngoài nước; giới thiệu các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư, tập trung kêu gọi đầu tư các dự án trọng điểm.

7. Giải pháp về bảo đảm quốc phòng, an ninh:

- Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 28-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới và triển khai Nghị quyết số 51-NQ/TW ngay 05 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về Chiến lược bảo vệ An ninh Quốc gia. Củng cố tiềm lực quốc phòng an ninh, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân vững chắc gắn với thế trận an ninh nhân dân; kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh. Nắm chắc tình hình, chủ động đấu tranh, ngăn chặn làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động, không để xảy ra biểu tình, bạo loạn, không để hình thành các tổ chức chính trị đối lập. Xây dựng lực lượng dự bị động viên và dân quân tự vệ vững mạnh, rộng khắp, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các Chương trình quốc gia phòng chống tội phạm và phòng chống ma túy; chiến lược quốc gia về bảo đảm an toàn giao thông và chiến lược cải cách tư pháp. Củng cố, kiện toàn công an chính quy đảm nhiệm các chức danh công an xã theo quy định của pháp luật và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Tập trung xử lý, giải quyết các khiếu nại, tố cáo phát sinh ngay tại cơ sở, đảm bảo thực hiện đúng quy trình, thời hạn theo quy định; xử lý, giải quyết dứt điểm các khiếu nại, tố cáo, vụ án tồn đọng, kéo dài... không để kẻ xấu lợi dụng, kích động chống phá. Đấu tranh với các loại tội phạm, rà soát, phát hiện, phân loại và quản lý các đối tượng hình sự; kiên quyết không để hình thành các băng nhóm tội phạm có tổ chức trên địa bàn tỉnh. Thực hiện đồng bộ nhiều biện pháp để bảo đảm trật tự an toàn giao thông, giảm thiểu tai nạn giao thông trên cả ba tiêu chí và chống ùn tắc giao thông tại các đô thị. Tăng cường quản lý, bảo đảm công tác phòng cháy, chữa cháy; tổ chức diễn tập, nâng cao ý thức phòng cháy, chữa cháy cho người dân.

8. Giải pháp phát triển nguồn lực đất đai:

- Đẩy mạnh chuyển đổi số trong lĩnh vực quản lý và sử dụng đất; khẩn trương hoàn thiện hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu đất đai; bảo đảm quản lý, vận hành, kết nối và chia sẻ thông tin tập trung, thống nhất từ trung ương đến cấp tỉnh, cấp huyện; xây dựng hệ thống thông tin thị trường bất động sản gắn với thông tin đất đai.

- Tập trung nguồn lực đầu tư cho công tác điều tra, đánh giá tài nguyên đất; thống kê, kiểm kê đất đai; giám sát sử dụng đất; bảo vệ, cải tạo và phục hồi chất lượng đất nhằm quản lý chặt chẽ về số lượng, chất lượng đất phục vụ cho lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, làm cơ sở sử dụng đất bền vững. Thực hiện có hiệu quả việc đào tạo nghề, tạo việc làm, tổ chức lại sản xuất, ổn định đời sống cho người có đất bị thu hồi.

- Triển khai các giải pháp để khơi dậy tiềm năng, phát huy cao nhất giá trị nguồn lực đất đai, khai thông, tạo sức bật từ nguồn lực đất đai; kiên quyết khắc phục tình trạng tiêu cực, khiếu kiện về đất đai, đầu cơ và sử dụng đất đai lãng phí. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền phù hợp, hiệu quả đối với địa phương; đồng thời tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm; giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo liên quan đến đất đai; siết chặt kỷ luật, kỷ cương, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. Tiếp tục hoàn thiện, nâng cao năng lực các tổ chức dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai.

XIII. SƠ ĐỒ, BẢN ĐỒ QUY HOẠCH

Danh mục sơ đồ, bản đồ Quy hoạch tỉnh Lâm Đồng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

(Chi tiết tại phụ lục XXVII kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Quy hoạch tỉnh Lâm Đồng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt tại Quyết định này là cơ sở, căn cứ để lập quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng

a) Tổ chức công bố, công khai Quy hoạch tỉnh Lâm Đồng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

b) Rà soát, hoàn thiện hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu, hồ sơ Quy hoạch tỉnh bảo đảm thống nhất với nội dung của Quyết định này; chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu, tài liệu, hệ thống sơ đồ, bản đồ và cơ sở dữ liệu trong hồ sơ Quy hoạch tỉnh Lâm Đồng.

c) Xây dựng, trình ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Lâm Đồng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; tổ chức thực hiện Quy hoạch tỉnh gắn với chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn Tỉnh; định kỳ tổ chức đánh giá thực hiện Quy hoạch tỉnh, rà soát điều chỉnh Quy hoạch tỉnh theo quy định của pháp luật; nghiên cứu ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý quy hoạch.

d) Nghiên cứu xây dựng và ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách, đề án, chương trình phù hợp với yêu cầu phát triển tỉnh Lâm Đồng và quy định pháp luật để huy động các nguồn lực thực hiện quy hoạch.

đ) Tổ chức lập, điều chỉnh quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với Quy hoạch tỉnh; tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra việc thực hiện quy hoạch; xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm theo quy định của pháp luật.

e) Tổ chức rà soát Quy hoạch tỉnh Lâm Đồng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 sau khi các quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng được cấp có thẩm quyền phê duyệt và thực hiện quy trình, thủ tục điều chỉnh Quy hoạch tỉnh trong trường hợp có nội dung mâu thuẫn so với quy hoạch cấp cao hơn theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội và quy định có liên quan, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

3. Việc chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư và triển khai các dự án đầu tư trên địa bàn Tỉnh, bao gồm cả các dự án chưa được xác định trong các phương án phát triển ngành, lĩnh vực, phương án phát triển các khu chức

năng, kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và Danh mục dự án dự kiến ưu tiên thực hiện ban hành kèm theo Quyết định này phải phù hợp với các nội dung quy định tại Điều 1 Quyết định này và phù hợp với các quy hoạch có liên quan (nếu có), bảo đảm thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan; đồng thời, người quyết định chủ trương đầu tư phải chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về quyết định của mình.

Trong quá trình nghiên cứu, triển khai các dự án cụ thể, cơ quan có thẩm quyền chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về việc xác định vị trí, diện tích, quy mô, công suất dự án, phân kỳ đầu tư dự án, phù hợp với yêu cầu thực tiễn phát triển của Tỉnh trong từng giai đoạn và theo đúng các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

Các dự án, công trình đang được rà soát, xử lý theo các Kết luận thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán và thi hành các bản án (nếu có) chỉ được triển khai thực hiện sau khi đã thực hiện đầy đủ các nội dung theo kết luận thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán, bản án (nếu có) và được cấp có thẩm quyền chấp thuận, bảo đảm phù hợp các quy định hiện hành.

Đối với các dự án quy hoạch đầu tư sau năm 2030, trường hợp có nhu cầu đầu tư phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và huy động, bố trí đủ các nguồn lực thực hiện, cơ quan được giao chủ trì thực hiện dự án báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, chấp thuận cho đầu tư sớm hơn.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và các cơ quan thanh tra, kiểm tra về tính chính xác của các nội dung, thông tin, số liệu, tài liệu, hệ thống bản đồ, cơ sở dữ liệu trong hồ sơ Quy hoạch tỉnh Lâm Đồng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; các ý kiến tiếp thu, giải trình, bảo lưu đối với ý kiến rà soát, góp ý của các Bộ, ngành, địa phương, tổ chức, cá nhân có liên quan; phụ lục các phương án phát triển ngành, lĩnh vực, phương án phát triển các khu chức năng, kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và danh mục dự án dự kiến ưu tiên thực hiện trong thời kỳ quy hoạch được ban hành kèm theo Quyết định này, bảo đảm phù hợp, đồng bộ, thống nhất với các quy hoạch có liên quan; thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các cam kết tại Văn bản số 11461/UBND-KH_1 ngày 26 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

5. Các Bộ, ngành liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm hướng dẫn Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng trong quá trình thực hiện Quy hoạch tỉnh; phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng trong việc nghiên cứu, xây dựng, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành một số cơ chế chính sách, giải pháp, huy động và bố trí nguồn lực thực hiện hiệu quả Quy hoạch tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, QHĐP (2b).

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG



Trần Hồng Hà